Tình Báo Trong Chiến Tranh Việt Nam

Lâm Vĩnh-Thế

Tôn Tử (544-496 Trước Công Nguyên), binh gia nổi tiếng của Trung Hoa, đã dành hẳn một chương trong cuốn Binh pháp nổi tiếng của ông, Thiên thứ 13, để bàn về vấn đề tình báo trong quân sự, cụ thể là tầm quan trọng của việc sử dụng gián điệp trong chiến tranh. Hơn 2500 năm sau khi ông mất, những gì ông viết trong Thiên thứ 13 đó vẫn còn nguyên giá trị của nó. Trong bất cứ cuộc chiến tranh nào trong thời cận và hiện đại, từ các Thế Chiến I và II cho đến các cuộc chiến tranh địa phương, cục bộ và giới hạn, tình báo đều đóng một vai trò quan trọng. Chiến tranh Việt Nam cũng không đi ra ngoài quy luật này. Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) và phe Cộng sản đều sử dụng tình báo đến mức độ tinh vi. Bài viết này được thực hiện nhằm giúp bạn đọc có một cái nhìn tổng quát về hệ thống tình báo của cả hai phe lâm chiến, và một cái nhìn chi tiết trong một số trận đánh quan trọng của cuộc chiến.

Mục Tiêu và Chức Năng của Công Tác Tình Báo

Mục tiêu của công tác tình báo là cung cấp cho các cơ quan và cá nhân có trách nhiệm về chính trị và quân sự những thông tin cần thiết về mọi khía cạnh, đặc biệt là về ý đồ, của phe địch để họ có thể kịp thời đối phó và chiến thắng đối phương. Do đó, chức năng chính yếu của công tác tình báo bao gồm 3 lãnh vực chính sau đây:

- Thu thập tin tức về địch
- Phân tích / tổng hợp và đánh giá tin tức về địch
- Khai thác tin tức: suy đoán ý đồ của địch và tiên đoán hành động của địch

Ngoài chức năng chính yếu vừa kể, công tác tình báo cũng bao gồm luôn cả các lãnh vực phản gián sau đây:

- bảo vệ an ninh, đề phòng sự xâm nhập của địch vào trong hệ thống của mình
- ngụy tạo tin tức để che dấu ý đồ và đánh lừa địch

Trong lãnh vực thu thập tin tức, có rất nhiều phương thức khác nhau, trực tiếp cũng có mà gián tiếp cũng có, nhưng, nói chung, hai phương thức chính là:

- qua con người (thí dụ: các điệp viên), tức là tình báo nhân sự (tiếng Anh gọi là Human Intelligence hay HUMINT)

- qua máy móc, theo dõi các tin tức của địch, tức là tình báo tín hiệu (tiếng Anh gọi là Signal Intelligence hay SIGINT)

HUMINT bao gồm công tác thu thập tin tức từ rất nhiều nguồn tin (loại người) khác nhau, nhưng quan trọng nhứt là những tin tức do điệp viên của phe ta cung cấp bằng nhiều cách thức khác nhau, cũng như tin tức thu thập được qua thẩm vấn các tù hàng binh, các cá nhân hoạt động cho địch bị bắt hay các điệp viên của địch đã về hàng.

SIGINT bao gồm tất cả các hình thức theo dõi, chặn bắt tín hiệu truyền thông và điện tử giữa người và người, cũng như giữa máy và máy, trong đó có rất nhiều trường hợp phải giải mã vì các thông điệp đã được đối phương ngụy trang bằng mã số trước khi truyền đi.

Do đòi hỏi của các công tác chuyên môn phức tạp vừa kể trên, các hệ thống tình báo luôn luôn phải có các trung tâm huấn luyện để đào tạo nhân viên, các trung tâm thẩm vấn để khai thác tin tức từ các người của phe địch, và phải có đầy đủ các trang thiết bị cần thiết để theo dõi và chặn bắt tín hiệu truyền thông và điện tử của phe địch.

Hệ Thống Tình Báo của VNCH

Những thông tin trình bày dưới đây phần lớn tập trung trong khung thgời gian của nền Đệ Nhị Cộng Hòa, tức là trong thời gian cuộc chiến đã leo thang với sự tham gia của quân đội Mỹ. Trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa, hệ thống tình báo của VNCH còn rất thô sơ, gần như chỉ là một bộ máy mật vụ với nhiệm vụ chính yếu là bảo vệ chế độ mà thôi. Cho đến cuối năm 1960, VNCH chỉ có 2 cơ quan sau đây:

- Sở Nghiên Cứu Chính Trị Xã Hội: thành lập năm 1956, trực thuộc Phủ Tổng Thống, do Bác sĩ Trần Kim Tuyến chì huy, có nhiệm vụ chính là công tác tình báo và bảo vệ chế độ. Hoạt động của Sờ bên ngoài lãnh thổ VNCH rất giới hạn, chủ yếu chỉ có tại Cao Miên.[1] Sở này bị giải thể năm 1962, sau vụ ném bom Dinh Độc Lập của 2 phi công Không Lực VNCH là Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc.
- Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung: thành lập năm 1957, do Dương Văn Hiếu chỉ huy, có nhiệm vụ chính là công tác tình báo, phản gián, nhằm phá vở các tổ chức nội tuyến của Bắc Việt tại Miền Nam. Đoàn này bị giải tán sau vụ đảo chánh ngày 1-11-1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm.[2]

Hệ thống tình báo của VNCH khá phức tạp, bao gồm một số cơ quan và đơn vị, với chức năng về an ninh và tình báo chồng chéo lên nhau, trong đó quan trọng nhứt là Khối Cảnh Sát Đặc Biệt (thuộc Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia), Nha An Ninh Quân

Đội, Tổng Nha An Ninh Hành Chánh, Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo, và Phòng 2 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH.

Khối Cảnh Sát Đặc Biệt (CSĐB)

Sắc Lệnh số 17A/TT/SL do Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ký ngày 1-3-1971 cải tổ ngành cảnh sát công an, biến Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia (CSQG) thuộc Bộ Nội Vụ, thành Bộ Tư Lệnh CSQG trực thuộc Phủ Thủ Tướng.[3] Khối CSĐB là một bộ phận quan trọng của Bộ Tư Lệnh CSQG, dưới quyền chỉ huy của 1 vị Trưởng Khối, Phụ Tá Tư Lệnh CSQG, Đại Tá Huỳnh Thới Tây, về sau, ngày 1-2-1975, thăng cấp Chuẩn Tướng.[4]

Nhiệm vụ của Khối CSĐB thuộc về 2 lãnh vực Tình Báo và Phản Tình Báo:

- Tình Báo: thu thập tin tức về phe Cộng sản và những tổ chức ngoại vi của Cộng sản thông qua 3 bộ phận là Tình Báo Diện Địa, Tình Báo Xâm Nhập, và Kế Hoạch Phượng Hoàng
- Phản Tình Báo: cài người vào các đoàn thể chính trị, tôn giáo, nghiệp đoàn, thanh niên, sinh viên, vv. để phát hiện các phần tử Cộng sản trà trộn vào các đoàn thể này.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ vừa kể trên, Khối CSĐB đã được quy định với một hệ thống tổ chức có quy mô toàn quốc như sau:

- Tại trung ương, đứng đầu là 1 vị Trưởng Khối được xếp ngang hàng với một Tổng Giám Đốc, bên dưới gồm một số Nha do các vị Giám Đốc chỉ huy; đó là các Nha Tình Báo, Nha Phản Tình Báo, Nha Điều Hành Công Tác, và Nha Yểm Trợ; dưới các Nha có các Sở (do Chánh Sở chỉ huy), Phòng (do Chủ sự chỉ huy), và Ban (do Trưởng Ban chỉ huy) đảm trách các công tác chuyên môn khác nhau
- Tại địa phương có các cấp:
  - Cấp Đô Thành và các Khu: do một Giám Đốc chỉ huy, với 4 Sở (Nghiên Cứu, Huấn Luyện, Công Tác và Yểm Trợ), bên đưới có các Phòng, Ban chuyên môn
  - Cấp Tỉnh và Thị Xã: do một Trưởng F chỉ huy, được xếp ngang hàng với một Chánh Sở, bên dưới có các Trưởng G điều khiển 4 Phòng (Nghiên Cứu, Công Tác, Yểm Trợ, và Thẩm Vấn)
  - Cấp Quận: do một Trưởng G chỉ huy, được xếp ngang hàng một Chủ Sự, bên dưới có các Trưởng Ban điều

khiển 4 Ban (Nghiên Cứu, Công Tác, Khai Thác, và Văn Thư + Yểm Trợ) [5]

Nha An Ninh Quân Đội

Tên của cơ quan an ninh này được giữ như thế suốt thời Đệ Nhất Cộng Hòa cho đến ngày 19-6-1965 thì đổi thành Cục An Ninh Quân Đội, trực thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị.[6] Nhiệm vụ chính yếu của Cục thuộc lãnh vực phản gián, nhằm chống lại sự xâm nhập của địch vào hàng ngũ quân nhân QLVNCH.

Tại trung ương, Cục gồm có 5 Khối: Hành Chánh, Huấn Luyện, An Ninh, Phản Gián, và Tiếp Vận.

Tại địa phương, Cục có các đơn vị (Phòng, Ban) theo từng cấp:

- Khu: Thủ đô và tất cả 4 Vùng Chiến Thuật
- Tiểu Khu: tất cả các Tỉnh và Thị Xã
- Chi Khu: tất cả các Quận

Ngoài nhiệm vụ chính là phản gián như vừa kể trên, Cục còn được giao một số nhiệm vụ khác về an ninh như:

- Nhận xét, cho ý kiến về các bổ nhiệm, thăng cấp trong QLVNCH
- Cấp thông hành về an ninh (security clearances) cho quân nhân và công chức
- Duyệt xét và chấp thuận cho các đơn xin xuất ngoại du học hay tu nghiệp của các quân nhân và công chức

Cục An Ninh Quân Đội có một đội ngũ nhân sự gồm tất cả 4328 người, trong đó Tổng Hành Dinh tại Sài Gòn có 657 người, Biệt Khu Thủ Đô có 221 người, mỗi Quân Khu có 50 người, mỗi Tiểu Khu (cấp Tỉnh) có 30 người, mỗi Chi Khu (cấp Quận) có 6 người; ngoài ra mỗi Quân Đoàn có 20 người,và mỗi Sư Đoàn có 25 người.[7]

Cục An Ninh Quân Đội được quyền bắt giữ và thẩm vấn mọi công dân của VNCH, cả quân nhân lẫn dân sự.

Tổng Nha An Ninh Hành Chánh

Năm 1971, sau vụ gián điệp Việt cộng Huỳnh Văn Trọng, một cơ quan an ninh tình báo cho phía dân sự, giống như Cục An Ninh Quân Đội dành cho bên quân sự, được thành lập và mang tên là Tổng Nha An Ninh Hành Chánh.[8] Tổng Nha này hình thành do quyết định nâng Nha An Ninh Hành Chánh của Bộ Nội Vụ lên thành Tổng Nha An Ninh Hành Chánh, đặt trực thuộc Phủ Thủ Tướng, với vị Tổng Giám Đốc đầu tiên là

Đại Tá Nguyễn Văn Tuấn, và gồm có một số Sở. Sở đầu tiên được thành lập là Sở Huấn Luyện với vị Chánh Sở là Thiếu Tá Võ Thành Đức (từ Khối CSĐB của Bộ Tư Lệnh CSQG đặc phái sang). Sở Huấn Luyện đã tổ chức được một vài khóa huấn luyện tại các Quân Khu cho các vị Phó Quận Trưởng Hành Chánh thuộc các tỉnh trong Quân Khu về các vấn đề An Ninh Cơ Sở, An Ninh Nhân Sự, và An Ninh Tài Liệu.[9] Tổng Nha này vẫn còn đang trong giai đoạn phát triển cơ sở khi Miền Nam thất trận nên chưa lập được nhiều thành tích như Cục An Ninh Quân Đội.

Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo

Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo (sau đây sẽ viết tắt là PĐU; tài liệu của Hoa Kỳ khi dịch sang tiếng Anh thường dùng từ Central Intelligence Organization, hay Central Intelligence Office = CIO) được thành lập bởi Sắc Lệnh số 109/TTP do Tổng Thống Ngô Đình Diệm ký ngày 5-5-1961.[10] Tuy nhiên PĐU chỉ chính thức hoạt động từ năm 1962 sau khi hoàn tất cơ cấu tổ chức và bắt đầu tuyển dụng nhân viên và huấn luyện.[11] Sau cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, PĐU trải qua nhiều xáo trộn với 5 vị Đặc Ủy Trưởng (toàn là quân nhân, 4 tướng lãnh và 1 đại tá) trong 4 năm liền (1963-1967).[12] Ngày 7-5-1968, Chuẩn Tướng Nguyễn Ngọc Loan, Đặc Ủy Trưởng, bị thương nặng trong một cuộc đụng độ với Việt Cộng (trong đợt 2 của cuộc Tổng Tấn Công Mậu Thân) và được đưa ra nước ngoài trị thương. Tháng 9-1968, Trung Tá Nguyễn Khắc Bình (Bí thư của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu) được cử thay thế và PĐU được đặt trực thuộc Phủ Tổng Thống. Đặc Ủy Trưởng Nguyễn Khắc Bình về sau thăng lên cấp Đại Tá tháng 6-1969, thăng Chuẩn Tướng ngày 1-11-1972, và thăng Thiếu Tướng ngày 1-2-1975.[13] Chính Đặc Ủy Trưởng Bình là người đã lên kế hoạch và thực hiện việc cải tổ PĐU.

Sau khi hoàn tất việc cải tổ, PĐU có một cơ cấu tổ chức như sau: [14]

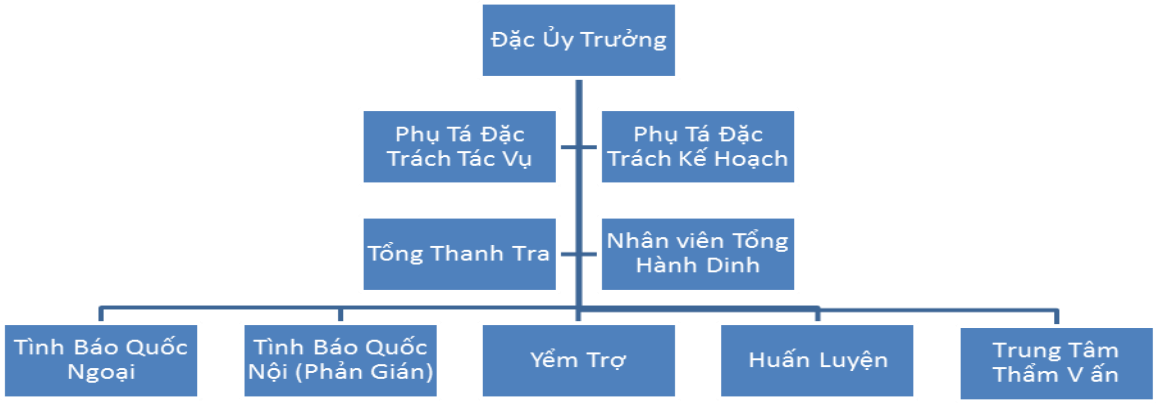

- Khối Kế Hoạch: bí danh là Ban A, có nhiệm vụ tổng hợp tất cả các tin từ 2 Khối Quốc Nội và Quốc Ngoại; 2 Ban quan trọng của Khối Kế Hoạch là:
  - Ban A10: có nhiệm vụ soạn thảo bản tin tình báo hàng ngày để trình lên Tổng Thống vào mỗi buổi sáng [15]
  - Ban A8: phụ trách các công tác đặc biệt do Đặc Ủy Trưởng giao phó
- Khối Tình Báo Quốc Ngoại: bí danh là Ban E, Khối này đặc trách công tác tình báo tại một số quốc gia như LÀo, Kampuchia, Thái Lan, Nhật, Hong Kong và Pháp.
- Cục Tình Báo Quốc Nội: bí danh là Ban T, Cục này đặc trách công tác phản gián trong nước, với các 3 Phân cục được giao phó các công tác như sau:
  - Phân cục Điệp báo: bí danh là Ban K, thu thập tin tức của địch qua các đội công tác tại tất cả các tỉnh và thị xã.
  - Phân cục Phản gián: bí danh là Ban U, với công tác chính là cài người vào hàng ngũ địch và phát hiện những điệp viên của địch cài vào hàng ngũ của ta.
  - Phân cục An ninh Chính trị: bí danh là Ban Z, công tác chính là theo dõi, xâm nhập vào các chính đảng, phong trào, hội đoàn, nghiệp đoàn để phát hiện và phá vở các âm mưu xâm nhập của địch.
- Khối Yểm Trợ: bí danh là Ban Y, ngoài các công tác yểm trợ thông thường qua 2 Sở là Sở Nhân Viên và Sở Hành Chánh Tài Chánh, Khối này còn có Sở Kỹ Thuật, với bí danh là Ban M, phụ trách tất cả các công tác kỹ thuật chuyên môn trong ngành tình báo như chụp hình, quay phim, in ấn, truyền tin, nhận tin, giải mã, vv.
- Trung Tâm Huấn Luyện Tình Báo Quốc Gia: bí danh là Ban D, phụ trách huấn luyện nghiệp vụ tình báo cho tất cả nhân viên các cấp của PĐU
- Trung Tâm Quốc Gia Thẩm Vấn: bí danh là Ban Q, với nhiệm vụ chính là thẩm vấn các tù hàng binh và cán binh Cộng sản đã được chiêu hồi.

Từ tháng 11-1971, một ban mới được thành lập trong Khối Kế Hoạch với bí danh là Ban A17 do một Phụ tá Đặc biệt của Đặc Ủy Trưởng điều khiển, với nhiệm vụ chính là theo dõi và xâm nhập vào các phong trào và tổ chức thanh niên - học sinh - sinh viên, đặc biệt là Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn, để phá vở các âm mưu và hoạt động của các cán bộ và đoàn viên mà Thành Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh đã cài vào các phong trào và tổ chức đó.[16]

Tổng số nhân viên của PĐU là 1.400 người trong đó nhân viên cao cấp có trình độ tốt nghiệp đại học chiếm đến 60%, được hưởng các quy chế đặc biệt như được hoản dịch (gốc dân sự) hay được giải ngũ (gốc quân nhân).[17]

Tuy được tổ chức rất có quy củ với ngân sách dồi dào và một lực lượng nhân sự có trình độ cao, PĐU đã không hoàn thành tốt trong công tác tình báo chiến lược vì càng ngày càng nghiêng nặng về chính trị và sau cùng trở thành một ***"cơ quan tình báo của Phủ Tổng Thống"***.[18]

Phòng 2 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH

Bộ Tổng Tham Mưu (BTTM) QLVNCH là một cơ cấu quân sự khổng lồ của VNCH với nhiệm vụ yểm trợ và điều hợp hoạt động của tất cả các quân binh chủng và các đại đơn vị của QLVNCH qua rất nhiều Nha Sở và Phòng Ban, trong đó Phòng 2 là Phòng giữ nhiệm vụ về tình báo, do một sĩ quan cấp Đại Tá chỉ huy. Vị Trưởng Phòng 2 cuối cùng của BTTM là Đại Tá Hoàng Ngọc Lung, xuất thân Trường Sĩ Quan Nam Định, Khóa 1 (năm 1951).[19]

Phòng 2 BTTM có cơ cấu tổ chức như sau: [20]

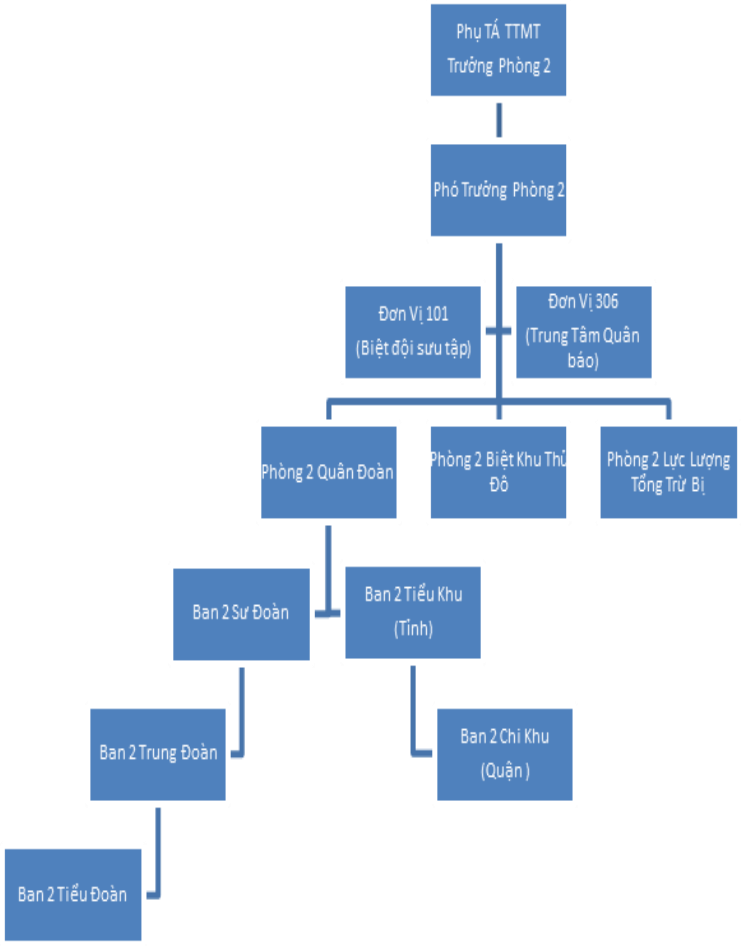

Tuy không phải là cơ quan tình báo duy nhứt của QLVNCH (vì ngoài Phòng 2 BTTM còn có Phòng 7 BTTM, Cục An Ninh Quân Đội, các cơ quan tình báo của Hải Quân và Không Quân), Phòng 2 BTTM là bộ phận quan trọng nhứt chịu trách nhiệm về quân báo, đặc biệt là tình báo tác chiến (combat intelligence), của QLVNCH, với một hệ thống đơn vị trực thuộc trãi rộng khắp các đơn vị từ cấp Quân đoàn xuống đến cấp Tiểu đoàn, và từ cấp Vùng xuống đến cấp Chi Khu (Quận). Tại trung ương, Phòng 2 BTTTM có 2 đơn vị là Đơn Vị 101 phụ trách thu thập tin tức tình báo, và Đơn Vị 306 tức Trung Tâm Quân Báo phụ trách khai thác tin tức tình báo. Sĩ quan Phó Trưởng Phòng 2 đương nhiên kiêm mhiệm chức vụ Chỉ Huy Trưởng Đơn Vị 306.

Đơn Vị 101

Đơn vị này đã được đổi tên nhiều lần như sau:

- 1961-1963: Biệt Đội Sưu Tập
- 1964-1965: Biệt Đoàn 300
- 1965-1968: Liên Đoàn Yểm Trợ 924
- 1968-1975: Đơn vị 101

Vị Chỉ Huy Trưởng cuối cùng của Đơn Vị 101 là Đại Tá Lê Đình Luân tốt nghiệp Khóa 2 (tháng 4-1953) Trường Sĩ Quan Thủ Đức.[21] Tất cả các sĩ quan của đơn vị đều phải trải qua khóa huấn luyện tình báo tại Trường Tình Báo của Lục Quân Hoa Kỳ tại Okinawa (Nhật Bản).

Đơn Vị 101 có tổ chức hàng dọc như sau: [22]

- Đoàn: ở cấp Vùng hay Quân Đoàn, có tất cả 5 Đoàn mang bí số 65, 66, 67, 68, và 69 (cho Biệt Khu Thủ Đô), chỉ huy trưởng là một sĩ quan mang cấp bậc Trung Tá
- Toán: ở cấp Khu hay Sư Đoàn, chỉ huy trưởng là một sĩ quan mang cấp bậc Thiếu Tá
- Lưới: ở cấp Tiểu Khu, chỉ huy trưởng là một sĩ quan mang cấp bậc Đại Úy

Công tác thu thập tin của Đơn Vị 101 bao gồm cả 2 lãnh vực: tình báo tác chiến và tình báo lãnh thổ (territorial intelligence) và phương thức thu thập chính được sử dụng là tình báo nhân sự (HUMINT) qua 2 lối:

- Công khai: thu thập và khai thác tin của các Phòng 2 và Ban 2 của các cấp đơn vị từ quân đoàn xuống đến tiểu đoàn, và các cấp lãnh thổ từ khu xuống đến chi khu, qua việc thẩm vấn và khai thác tin từ tù hàng binh, các tài liệu bắt được của địch, và việc chận bắt tín hiệu truyền tin của địch

- Bí mật: thu thập tin của mật báo viên của các Lưới được tổ chức cho xâm nhập vào các vùng xôi đậu, ngay cả trong hậu phương của địch

Đơn Vị 306 (Trung Tâm Quân Báo)

Dưới quyền chỉ huy của Phó Trưởng Phòng 2 BTTM, Đơn Vị 306 thật ra gồm nhiều trung tâm quân báo với những chức năng khác nhau bao gồm: [23]

- Trung tâm quân báo hỗn hợp: cung cấp tin tình báo tác chiến và lãnh thổ cho Phòng 2 BTTM QLVNCH, và Ban 2 của Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam (J2-MACV)
- Trung tâm khai thác tài liệu hỗn hợp: tập trung và khai thác tất cả các loại tài liệu (kể cả sách báo, phim ảnh chính thức của Bắc Việt) thu được của địch, và báo cáo cho Phòng 2 TTM và J2-MACV
- Trung tâm khai thác quân dụng hỗn hợp: tìm hiểu, khai thác tất cả các loại vũ khí, đạn dược, quân dụng tịch thu được của địch, và soạn thảo tài liệu ***Chiến cụ của Việt Cộng*** để phổ biến cho tất cả các đơn vị của QLVNCH học tập
- Trung tâm thẩm vấn hỗn hợp: có nhiệm vụ thẩm vấn các tù hàng binh, hồi chánh viên quan trọng, từ cấp đại đội trở lên; khi tình hình chiến trường sôi động, có thể tang phái người cho các đại đơn vị
- Trung tâm quản trị quân báo: quản trị toàn thể nhân viên quân báo tại trung ương cũng như tại địa phương.

Sau khi quân Mỹ rút khỏi VNCH, Đơn Vị 306 được cải tổ thành các Khối như sau:

- Khối Quốc nội: gồm có các Ban như sau:
  - Ban quốc nội tại 4 Vùng Chiến Thuật
  - Ban ước tính: cung cấp các báo cáo định kỳ
  - Ban nghiên cứu: về tổ chức của địch
- Khối Quốc ngoại: bao gồm các công tác:
  - Theo dõi tình hình Bắc Việt, đặc biệt là viện trợ của các nước Cộng sản
  - Theo dõi tình hình chính trị, quân sự của LÀo và Kampuchia
  - Gồm các Ban: Bắc Việt, Đông Nam Á, Nghiên Cứu, Liên Lạc Quốc Ngoại (phối hợp, khai thác các báo cáo của các Tùy Viên Quân Sự tại các Tòa Đại Sứ của VNCH)

- Khối Sưu tập: thu thập, lưu trử, kiểm soát tất cả các loại tin thu thập được từ mật bào viên, tù hàng binh, hồi chánh viên, cũng như từ các bộ phận tình báo tín hiệu (SIGINT)
- Khối Kế, huấn, tổ: phụ trách các lãnh vực kế hoạch, huấn luyện và tổ chức cho toàn ngành quân báo

Việc huấn luyện cho nhân viên Phòng 2 BTTM được thực hiện tại Trường Cây Mai. Trước năm 1961 Trường Cây Mai mang tên là Trường Quân Báo và Chiến Tranh Tâm Lý mà Chỉ Huy Trưởng là Thiếu Tá Phạm Văn Sơn. Từ đầu năm 1961, Trường Cây Mai đổi tên là Trường Quân Báo và bắt đầu cung cấp những khóa huấn luyện về tình báo chiến trường (Field Operation Intelligence, hay FOI) do Biệt Đội Sưu Tập phối hợp tổ chức với các huấn luyện viên Hoa Kỳ, giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Việt. Khóa 1 gồm 16 sĩ quan, khóa 2 gồm 25 sĩ quan, và các khóa kế tiếp về sau được gửi đi học tại Okinawa, Nhật Bản.[24]

Phòng 2 BTTM còn có 1 bộ phận nữa rất quan trọng, mặc dù không có hiện diện trong sơ đồ tổ chức: đó là Phòng Tình Hình (Situation Room). Phòng này được sử dụng như một trung tâm hành quân của Phòng 2 BTTM trong những thời điểm sôi động với những trận đánh lớn ngoài chiến trường, với những hệ thống truyền tin trực tiếp với các Quân đoàn, Sư đoàn, vv. để kịp thời trao đổi các tin tức về tình báo và chiến thuật với các đơn vị đang lâm chiến.[25]

Hệ Thống Tình Báo của Hoa Kỳ

Hoa Kỳ cũng có 2 hệ thống tổ chức tình báo song hành tại VNCH. Đó là Trạm CIA Sài Gòn (CIA Saigon Station, Central Intelligence Agency = Cơ quan Trung Ương Tình Báo) nằm trong Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn và Ban 2 của Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam (J2-MACV).

Trạm CIA Sài Gòn

Trong thời gian Chiến Tranh Việt Nam, từ 1961đến 1975, Trạm CIA Sài Gòn đã trải qua các đời Trưởng Trạm (Chief of Station, hay COS) sau đây:

- 1961-1962: William Colby, về sau trở thành Giám Đốc CIA (Director of Central Intelligence, hay DCI) 1973-1976
- 1962-1963: John Richardson
- 1963-1965: Peer de Silva
- 1965: John L. Hart
- 1966: John Lapham
- 1966-1968: Gordon L. Jorgensen
- 1968-1972: Theodore Shackley

- 1972-1975: Thomas Polgar

Trạm CIA Sài Gòn không những thu thập tin tình báo về Việt Cộng mà còn theo dõi tất cả các hoạt động của chính phủ VNCH, và, sau khi Hoa Kỳ gửi quân tham chiến tại Miền Nam, soạn thảo và phổ biến những báo cáo hàng tuần về tình hình tại VNCH và cuộc chiến. Loại báo cáo hàng tuần này, với tựa đề là *"Situation in South Vietnam,"* thường gồm khoảng 20-30 trang với một số bản đồ và biểu đồ, và được thực hiện theo một dàn bài thống nhứt như sau: [26]

- Toát yếu
- Bản đồ Nam Việt Nam
- TÌnh hình Miền Nam Việt Nam
  - TÌnh hình chính trị
  - TÌnh hình quân sự
  - Xây dựng nông thôn
- Bản đồ Bắc Việt Nam
- Các phát triển trong Khối Cộng sản
- Các phát triển tại các nước đệ tam
- Phụ đính:
  - Thống kê chiến trường của QLVNCH: số thương vong
  - Thống kê chiến trường của QLVNCH: số các cuộc giao tranh và tấn công của địch
  - Các chỉ số kinh tế của VNCH
  - Thống kê giá bán lẻ hàng tuần tại Sài Gòn

Ngoài ra,

Trạm CIA Sài Gòn còn thực hiện rất nhiều công tác an ninh tình báo khác tại VNCH trong suốt thời gian chiến tranh. Công tác được nói đến nhiều nhất là Chiến dịch Phượng Hoàng nhằm nhận diện và tiêu diệt hạ tầng cơ sở của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (Việt Cộng) tại nông thôn Miền Nam. Từ 1965 cho đến 1972, Chiến dịch Phượng Hoàng đã "vô hiệu hóa" tổng cộng 81.740 cá nhân bị tình nghi là người của Mặt Trận,[27] và ***"góp phần tiêu diệt và phá hoại đến 95% cơ sở cách mạng ở một số khu vực tại miền Nam Việt Nam."*** [28]

J2-MACV

Khi Bộ Tư Lệnh Viện Trợ Quân Sự của Hoa Kỳ tại VNCH (MACV = Military Assistance Command Vietnam) được thành lập vào tháng 2-1962, sau rất nhiều tranh cải trong chính phủ của Tổng Thống John F.Kennedy, và đặt dưới quyền chỉ huy của một vị tướng 4-sao, Đại Tướng Paul Harkins, vai trò của Hoa Kỳ tại Việt Nam trong việc giúp đở chính phủ VNCH chống lại phong trào nổi dậy (counterinsurgency) của Cộng

sản tại Miền Nam được nâng lên một tầm quan trọng cao hơn. Lúc đó Phái Bộ Cố Vấn Viện Trợ Quân Sự của Hoa Kỳ tại VNCH (MAAG = Military Assistance Advisory Group dưới quyền chỉ huy của một vị tướng 3-sao, Trung Tướng Lionel C. McGarr) vẫn còn tiếp tục hoạt động thêm một thời gian gần một năm mới bị hủy bỏ và hoàn toàn sáp nhập vào MACV. Tuy nhiên, trong một thời gian hơn 3 năm (từ tháng 2-1962 đến tháng 3-1965), bộ phận J2-MACV chì làm nhiệm vụ cố vấn, hỗ trợ và huấn luyện cho hệ thống quân báo của VNCH mà thôi. Đứng đầu J2-MACV lúc đó chỉ là một sĩ quan cấp Đại Tá, Đại Tá James M. Winterbottom, một sĩ quan Không Quân.[29] Đầu năm 1964, sau khi cuộc cải tổ cơ cấu chỉ huy của MACV được hoàn tất, do đề nghị của Tướng Harkins và được Bộ Trưởng Quốc Phòng Robert S. McNamara chấp thuận, cấp số của chức vụ Phụ Tá Tham Mưu Trưởng MACV, Trưởng Ban 2 (Assistant Chief of Staff MACV, J2) được nâng từ cấp Đại Tá lên cấp Tướng. Ngày 15-1-1964, Chuẩn Tướng Carl A. Youngdale, thuộc Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, được cử làm Trưởng J2-MACV và tổng số nhân viên của J2 tăng từ 76 lên 135 người.[30] J2-MACV lần lượt hoạt động dưới quyền chỉ huy của các vị tướng sau đây:

- Từ 1-1962 đến 7-1965: Chuẩn Tướng Carl A. Youngdale, Thủy Quân Lục Chiến, hồi hưu với cấp bậc Thiếu Tướng
- Từ 7-1965 đến 5-1967: Thiếu Tướng Joseph A. McChristian, Lục Quân, hồi hưu với cấp bậc Thiếu Tướng
- Từ 5-1967 đến 5-1969: Thiếu Tướng Philip B. Davidson, Lục Quân, về hưu với cấp bậc Trung Tướng
- Từ 5-1969 đến 8-1972: Thiếu Tướng William E. Potts, Lục Quân, hồi hưu với cấp bậc Trung Tướng

Về phần MACV, vì không tán thành chủ trương lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Tướng Harkins có mâu thuẩn lớn với Đại sứ Hoa Kỳ lúc đó là ông Henry Cabot Lodge, Jr., và sau cùng bị thay thế bằng phó tướng của ông là Trung Tướng (3-sao) William C. Westmoreland, được thăng lên cấp Đại Tướng (4-sao) vào cùng ngày 1-8-1964 khi được cử nắm giữ chức vụ Tư Lệnh MACV.

Sau khi Hoa kỳ ồ ạt đưa quân bộ chiến vào VNCH năm 1965 (vào cuối năm 1965, quân số Hoa Kỳ tại Miền Nam đã tăng từ 23.000 lên đến 184.000), nhu cầu về tình báo chiến trường (combat intelligence) của MACV gia tăng mảnh liệt. Cấp số của Trưởng Ban J2-MACV cũng được nâng thêm một bậc từ cấp Chuẩn Tướng lên cấp Thiếu Tướng. Thiếu Tướng Joseph A. McChristian được cử thay thế Chuẩn Tướng Carl A. Youngdale từ tháng 7-1965. Về sau những người kế nhiệm Trưởng J2-MACV đều mang cấp Thiếu Tướng: Thiếu Tướng Philip B. Davisdon và Thiếu Tướng William E. Potts.

Cả 3 vị Thiếu Tướng vừa nêu tên bên trên tiếp tục mở rộng và phát triển J2-MACV về cả 2 mặt thu thập và khai thác tin tình báo, đồng thời phối hợp hoạt động rất chặt chẻ với phía VNCH.

Với đà phát triển mạnh mẻ đó, dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tướng Joseph A. McChristian, đến giữa năm 1967, J2-MACV đã có tổng số nhân viên trên 600 người.[31] với một cơ cấu tổ chức như trong biểu đồ sau đây: [32]

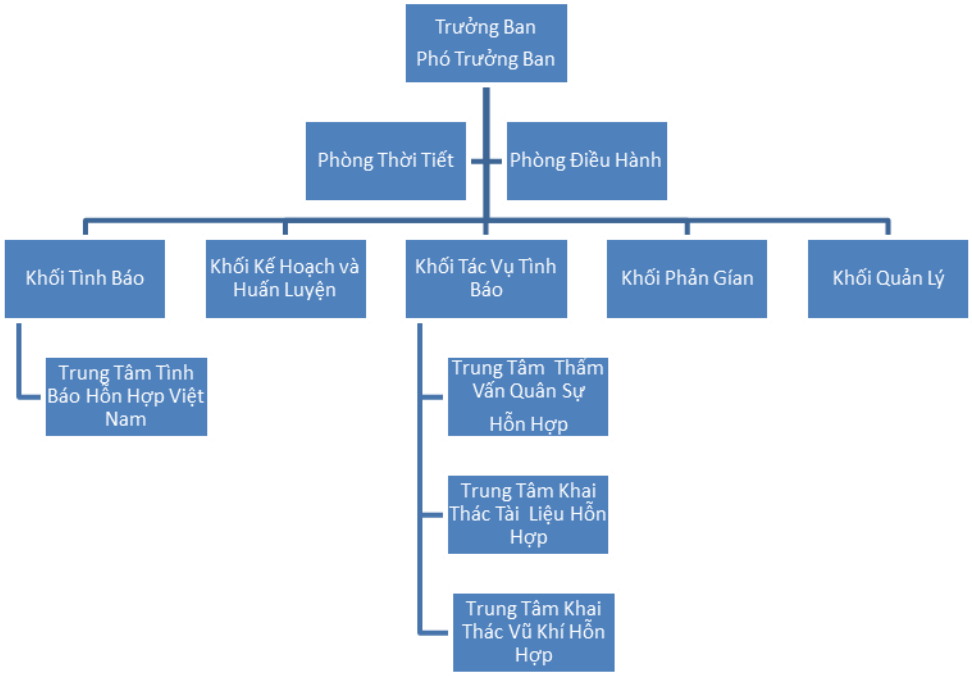

Thật ra, số người mà J2-MACV điều động còn cao hơn rất nhiều. Theo tường trình của chính Thiếu Tướng McChristian, các đơn vị tình báo thuộc Lục Quân Hoa Kỳ đặt dưới sự điều động của ông vào tháng 6-1967 đã có tổng số nhân sự từ 102 tăng lên đến 2.466, và tổng số cố vấn (cho các cơ quan tình báo của VNCH) đã từ 218 tăng lên đến 622. Các đơn vị tình báo thuộc Lục Quân Hoa Kỳ nói trên bao gồm các đơn vị sau đây: [33]

- Đoàn 525 Quân Báo (525th Military Intelligence Group)
- Đoàn 149 Quân Báo (149th Military Intelligence Group) có nhiệm vụ Thu Thập tin)
- Tiểu Đoàn 1 Quân Báo (1st Military Intelligence Battalion; phụ trách Yểm Trợ Không Thám = Air Reconnaissance Support) có nhiệm vụ cung cấp không ảnh cho các đơn vị tác chiến)
- Tiểu Đoàn 519 Quân Báo (519th Military Intelligence Battalion) cung cấp nhân sự và yểm trợ cho các Trung Tâm Hỗn Hợp)

Riêng Đoàn 525 Quân Báo thì chịu trách nhiệm điều động các đơn vị quân báo sau đây:

- Một đại đội tín hiệu (a signal company) có trách nhiệm chận bắt truyền tin của các đơn vị địch
- Một phân đội không quân (an aviation detachment) có trách nhiệm thực hiện và diễn giải các không ảnh về hoạt động của các đơn vị địch
- Đoàn 135 Quân Báo (135th Military Intelligence Group) phụ trách công tác phản gián, với các tổ phân phối khắp 4 Vùng Chiến Thuật bên cạnh các tổ của Cục An Ninh Quân Đội VNCH)

Phối Hợp Công Tác Tình Báo Giữa VNCH và Hoa Kỳ

Vì khối lượng rất lớn cũng như mức độ phức tạp của tin tức tình báo (cộng thêm sự khác biệt về ngôn ngữ Anh-Việt), và vì cùng chiến đấu chống lại một kẻ địch chung, Phòng 2 Bộ TTM QLVNCH và Ban J2-MACV đã đồng ý thiết lập một số cơ quan và đơn vị tình báo hỗn hợp để chia sẻ tin tức và phối hợp hoạt động. Vị sĩ quan QLVNCH đồng nhiệm với Thiếu Tướng McChristian, Trưởng J2-MACV, là Đại Tá Hồ Văn Lời, Trưởng Phòng 2 BTTM QLVNCH. Đại Tá Hồ Văn Lời, sinh năm 1928 tại Định Tường, là một sĩ quan hiện dịch thuộc Bộ Binh, tốt nghiệp Khóa 3 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt (Khóa Trần Hưng Đạo, năm 1951).[34] Sự thỏa thuận giữa hai nước đồng minh trong cuộc chiến đưa đến sự hình thành và hoạt động của 4 Trung Tâm Hỗn Hợp về tình báo: Trung Tâm Thẩm Vấn Quân Sự Hỗn Hợp (Combined Military Interrogation Center – CMIC), Trung Tâm Khai Thác Tài Liệu Hỗn Hợp (Combined Document Exploitation Center – CDEC), Trung Tâm Khai Thác Quân Dụng Hỗn Hợp (Combined Materiel Exploitation Center – CMEC), và Trung Tâm Tình Báo Hỗn Hợp Việt Nam (Combined Intelligence Center Vietnam – CICV).

Trung Tâm Thẩm Vấn Quân Sự Hỗn Hợp

Công tác thẩm vấn các tù hàng binh và hồi chánh viên được cả 2 phía Việt Mỹ đặt ưu tiên cao trong công tác tình báo hỗn hợp. Các trung tâm thẩm vấn quân sự được thiết lập tại các quân đoàn và sư đoàn. Riêng tại các tiểu khu (tỉnh) thì các trung tâm thẩm vấn được đặt dưới quyền điều khiển CSQG (đơn vị CS đặc biệt của địa phương), nhưng khi cần thì các đơn vị quân báo Việt-Mỹ cũng được quyền sử dụng. Trung tâm thẩm vấn hỗn hợp trung ương (CIMC) được đặt tại Sài Gòn, dưới sự chỉ huy kết hợp của Trung Tá Frederick A. Pieper, Thiếu Tá Lawrence Sutton và Đại Úy Lâm Văn Nghĩa.[35]

Công tác thẩm vấn được thực hiện theo những quy định rất chặt chẽ. Trước tiên là sự phân biệt rõ rệt giữa tù hàng binh và hồi chánh viên. Hồi chánh viên luôn luôn được đối xử một cách thân thiện và đặc biệt hơn, với chủ đích tạo cho họ cảm giác ấm áp, và cho họ thấy rõ là sự "trở về" của họ rất được hoan ngênh. Trong thời gian thẩm vấn, hồi chánh viên cũng được thoải mái, có nhiều tự do hơn. Sau khi chấm dứt thẩm vấn, họ được quyền chọn trung tâm chiêu hồi mà họ muốn về làm việc. Một số hồi chánh viên quan trọng, như Thượng Tá Tám Hà, Chính Ủy Sư Đoàn 5 (Việt cộng), hồi chánh tại Bình Dương năm 1970, hay Trung Tá Lê Xuân Chuyên, thuộc bộ đội chính quy của Bắc Việt, hồi chánh tại Bình Tuy năm 1967, đã được chính phủ VNCH cử nhiệm vào một số chức vụ quan trọng tại Bộ Dân Vận Chiêu Hồi hay Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị.[36]

Tuy có phân biệt đối xử, nhưng về nội dung thẩm vấn thì hoàn toàn giống nhau đối với tù hàng binh hay hồi chánh viên, với mục tiêu nhằm khai thác tin tức về 5 lãnh vực sau đây:

- Lực lượng địch bên ngoài lãnh thổ của VNCH, nghĩa là tại Bắc Việt, Miên, và Lào.
- Lực lượng địch bên trong lãnh thổ của VNCH.
- Chiến thuật, vũ khí, quân dụng, hạ tầng cơ sở và các hoạt động tâm lý chiến của địch.
- Phản gián: các kế hoạch và hoạt động phá hoại, cài người (nội tuyến) vào các cơ sở của VNCH và các quân đội đồng minh.
- Lộ trình, hành lang, và phương thức xâm nhập từ Miền Bắc.

Các báo cáo thẩm vấn thực hiện tại các trung tâm thẩm vấn địa phương phải được đánh giá về mức độ quan trông của tin tức khai thác được, và sau đó chuyển về trung ương. Các đối tượng thẩm vấn cũng phải được xếp hạng về chức vụ của họ trong hệ thống của địch quân và tầm quan trọng của tin tức mà họ cung cấp. Tùy theo mức độ quan trọng, đối tượng thẩm vấn sẽ được bảo vệ và di chuyển nhanh hay chậm về các trung tâm thẩm vấn ở cấp cao hơn, hay có thể đưa về ngay Trung Tâm Thẩm Vấn Trung Ương tại Sài Gòn.

Sau khi thẩm vấn hoàn tất, các tù hàng binh sẽ được đưa ra giam giữ tại trại giam trên đảo Phú Quốc.

Trung Tâm Khai Thác Tài Liệu Hỗn Hợp

Tài liệu thu thập được của địch cũng là một nguồn tin tình báo rất quan trọng. Cả hai cơ quan quân báo của VNCH (Phòng 2 BTTM) và Hoa Kỳ (J2-MACV) đã đồng ý thành lập Trung Tâm Khai Thác Tài Liệu Hỗn Hợp, đặt trụ sở gần căn cứ không quân

Tân Sơn Nhứt và bắt đầu hoạt động từ ngày 24-10-1966, với trên 300 nhân viên quân sự và dân sự Việt Mỹ.

Tiến trình khai thác tài liệu của địch gồm các giai đoạn sau đây:

- Phân loại tài liệu
- Đánh giá tài liệu
- Phiên dịch tài liệu
- Phân phối tài liệu

Trong công tác phân loại, tài liệu của địch được phân ra làm 5 loại như sau:

- Loại A: cần phải được xử lý ngay lập tức, ví du một bản kế hoạch của địch nhằm phục kích một đơn vị bạn, với kết quả được thông báo ngay bằng "đường dây nóng" (hot line) cho đơn vị bạn.
- Loại B: tài liệu có giá trị tình báo chiến lược, thí dụ như các giấy ban khen có ghi tên cá nhân và đơn vị phục vụ, hay các sổ sách ghi chép thành phần, quân số, vị trí đóng quân của các đơn vị địch; loại tài liệu này sẽ nhanh chóng được dịch sang tiếng Anh để phổ biến và đánh số tài liệu ngay; phần lớn tài liệu được xử lý tại Trung Tâm thuộc loại tài liệu này.
- Loại C: tài liệu không có giá trị tình báo, thí dụ một tấm bản đồ của Châu Phi; loại tài liệu này sẽ không được xử lý mà chuyển giao ngay cho phía VNCH để tùy nghi.
- Loại D: loại tài liệu tuyên truyền, thí dụ một tờ truyền đơn kêu gọi lính Mỹ viết thư cho một tổ chức phản chiến chẳng hạn; loại này bao gồm cả các loại giấy bạc của Bắc Việt; loại này cũng không được xử lý tại Trung Tâm, tài liệu tuyên truyền thì được chuyển giao cho các cơ quan chiến tranh tâm lý, giấy bạc thì chuyển cho các cơ quan thích hợp.
- Loại E: loại tài liệu về mật mã truyền tin, loại tài liệu này cũng sẽ không được xử lý tại Trung Tâm mà chuyển giao ngay cho các cơ quan về SIGINT.

Sau đó, các tài liệu thuộc 2 loại A và B sẽ được chuyển đến một nhóm các chuyên viên cao cấp về tài liệu để họ viết ra các bản tóm lược nội dung cho từng tài liệu. Những tài liệu quá chi tiết sẽ được chuyển đến Ban DỊch Thuật để được dịch sang tiếng Anh toàn văn tài liệu.

Trong suốt thời gian hoạt động, Trung Tâm đã xử lý một số lượng tài liệu rất lớn, lên đến hàng triệu trang. Xin đơn cử một thí dụ để minh họa: nội trong 2 tháng đầu

năm 1967, với 2 cuộc Hành Quân lớn của quân đôi Mỹ (Cedar Falls, tháng 1-1967, trong Vùng Tam Giác Sắt; và Junction City, tháng 2-1967, tại Chiến Khu C ở Tây Ninh), gần một triệu trang tài liệu tịch thu được của địch đã được xử lý tại Trung Tâm. Khoảng 10% của tổng số tài liệu này đã được tóm lược hay chuyển dịch sang tiếng Anh và phân phối đến các cơ quan và đơn vị.

Với những trang thiết bị tối tân nhứt của thập niên 1960, trong đó có cả máy in có thể in đến 6.000 trang một giờ, Trung Tâm đã có thể cung cấp, ngay từ đầu năm 1967, mỗi ngày 1.400 cân anh (pounds) tài liệu đã được tóm lược, chuyển dịch và sao chụp. Tất cả các tài liệu đều được chụp vi phim, làm bảng dẫn (indexed) và đưa vào một hệ thống máy tính (IBM 1401) đặt tại Trung Tâm Tình Báo Hỗn Hợp Việt Nam (CICV).[37]

Trung Tâm Khai Thác Vũ Khí Hỗn Hợp

Đối với giới quân sự, thông tin về tất cả các loại quân dụng do địch quân sử dụng được xem là rất quan trọng và cần thiết. Trung Tâm Khai Thác Quân Dụng Hỗn Hợp được thành lập để hai quân đội đồng minh Việt-Mỹ chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về vũ khí của địch.

Trung Tâm được giao cho nhiệm vụ thu thập và khai thác tất cả các loại vũ khí và quân dụng của địch. Công tác khai thác bao gồm các mặt: xem xét (observation), xác định (identification), phân tich (analysis), và đánh giá (evaluation). Mục tiêu của công tác khai thác là tìm hiểu cặn kẻ khả năng và giới hạn của vũ khí - quân dụng, thông báo các thông tin này cho các cơ quan và đơn vị có liên hệ để tìm biện pháp đối phó.

Trung Tâm được tổ chức với các đơn vị chuyên môn như sau:[38]

- Ban Hình Ảnh (Graphics Section): thực hiện và cung cấp các ảnh vẻ và hình chụp
- Phòng Thí Nghiệm (Laboratory): thực hiện các phân tích hóa học cần thiết để xác định thành phần của các chất lạ
- Ban Truyền Thông và Điện Tử (Communications-Electronics Section): khai thác tất cả các loại quân dụng có liên hệ đến truyền tin, nhiếp ảnh, và điện tử
- Ban Cơ Động (Mobility Section): phân tích và đánh giá tất cả các loại mìn bẩy cũng như các quân dụng và vật liệu về công binh, vận tải, và xây dựng
- Ban Vũ Khí và Đạn Dược (Weapons and Munitions Section): xem xét (tháo ra từng mảnh), phân tách và đánh giá tất cả các loại vũ khí và đan dược tịch thu được của địch

- Ban Y Khoa (Medical Section): đánh giá các loại tiếp liệu, thiết bị, và khả năng về y khoa của địch
- Ban Tiếp Liệu và Thiết Bị Tổng Quát (General Supply and Equipment Section): phân tích và đánh giá các trang phục, vật dụng cá nhân, lương thực, các sản phẩm về dầu khí, và các thiết bị hóa học, vi trùng và quang tuyến của địch.

Tất cả các loại vũ khí – quân dụng tịch thu được của địch từ các đơn vị chiến đấu đều được chuyển về các cấp lữ đoàn hoặc sư đoàn và từ đó chuyển về cho Trung Tâm để khai thác, ngoại trừ các trường hợp cần khai thác ngay tại chổ thì Trung Tâm sẽ gửi các toán cơ động (“Go” Teams) đến để thực hiện công tác này.

Trung Tâm Tình Báo Hỗn Hợp Việt Nam

Cả 3 Trung Tâm vừa kể trên đều có một mục tiêu chung là tạo ra một cơ sở dữ liệu trung ương (centralized database), tối cần thiết cho hoạt động hữu hiệu của Trung Tâm Tình Báo Hỗn Hợp Việt Nam (CICV).

Tòa nhà dành cho Trung Tâm được khánh thành ngày 17-1-1967 và Trung TÂm được đặt dưới sự chỉ huy của Đại Tá Frank I. Schaf, Jr. và Thiếu Tá Cao Minh Tiếp, về nhân sự gồm có tất cả 651 nhân viên Mỹ và 164 nhân viên Việt, với sơ đồ tổ chức như sau:[39]

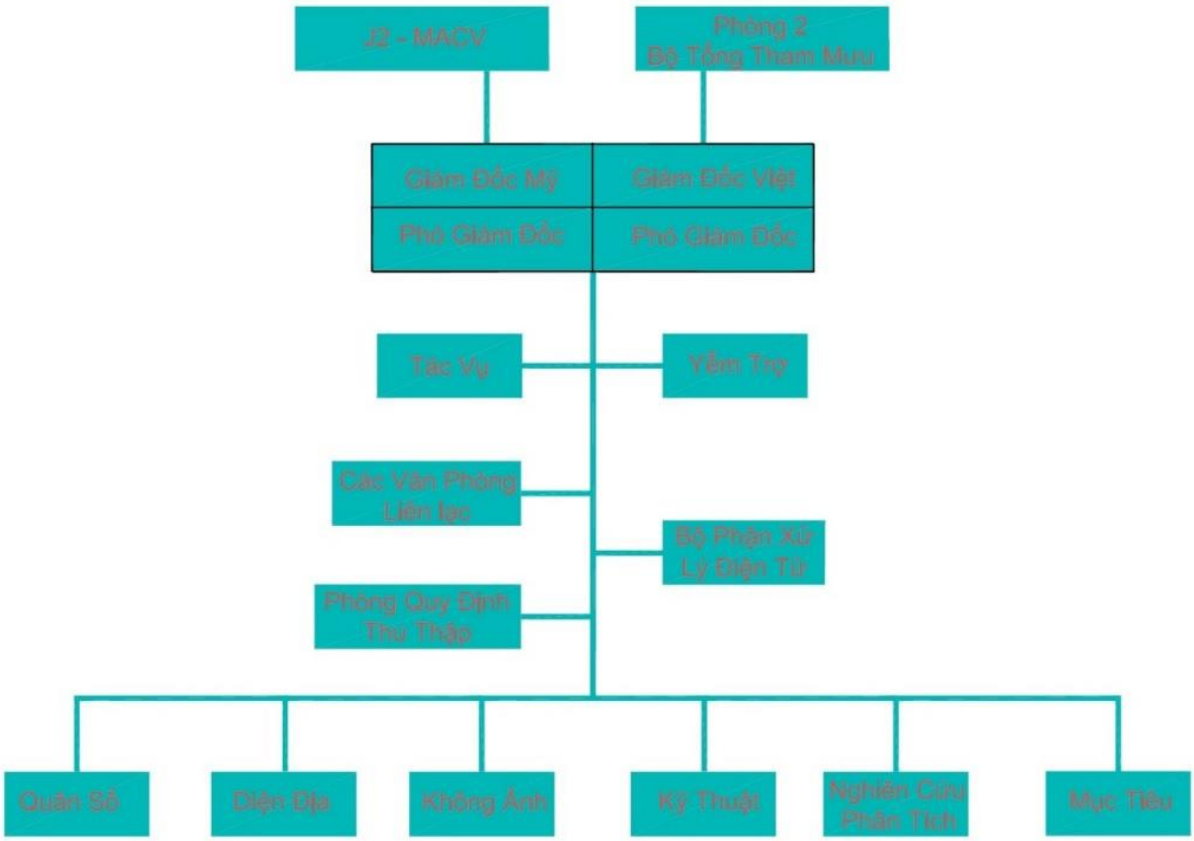

Trung Tâm hoạt động 24 giờ mỗi ngày với các ca nhân viên luân phiên nhau. Mục tiêu của Trung Tâm là tập hợp, biên soạn và cung cấp tin tình báo về mọi lãnh vực (quân số, diện địa, không ảnh, mục tiêu, vv.) cho các Ban 2 (TÌnh Báo) của tất cả các đơn vị tác chiến Việt-Mỹ từ cấp Quân đoàn xuống đến cấp Tiểu đoàn.

Với một lực lượng nhân viên đông đảo như vậy, công thêm một cơ sở dữ liệu trung ương được tự động hóa (của Bộ Phận Xử Lý Điện Tử, sử dụng máy tính tối tân nhứt của thời đó là máy INM 360-30) và chứa đựng các thông tin về mọi lãnh vực đã được thu thập từ những Trung Tâm Hỗn Hợp kể trên và đã được các chuyên viên phân tích và đánh giá, CICV đã có thể hoạt động với hiệu quả cao trong việc cung cấp một cách nhanh chóng và kịp thời tất cả các loại tin tức tình báo cần thiết cho các cơ quan an ninh cũng như các đơn vị tác chiến.

Hệ Thống Tình Báo Của Phe Cộng Sản

Trong thời gian chiến tranh Việt Nam, tại Bắc Việt, cơ quan tình báo chiến lược là Cục Tình Báo thuộc Bộ Tổng Tham Mưu của Quân Đội Nhân Dân Việt Nam. Cục Tình Báo, hay còn gọi là Cục 2, được thành lập ngày 10-6-1957 do việc hợp nhất 2 cơ quan là Nha Liên Lạc (thuộc Phủ Thủ Tướng, Giám Đốc là ông Trần Hiệu) và Cục Quân Báo (Bộ Quốc Phòng), và vị Cục Trưởng đầu tiên cũng chính là ông Trần Hiệu

(năm 1958, ông Trần Hiệu được phong quân hàm Đại Tá).[40,41] Về phía dân sự, sau sự hợp nhất này, Bắc Việt không còn có một cơ quan trung ương về tình báo nữa. Công tác tình báo dân sự được giao cho Bộ Công An với mạng lưới nhân viên dày đặc từ trung ương xuống đến tận các đơn vị cấp nhỏ nhất tại địa phương như Phường, Khóm, Xã, Ấp. Chính nhờ mạng lưới này, Bắc Việt đã ngăn chận được sự xâm nhập của các toán điệp viên của VNCH được gửi ra từ Miền Nam.

Cục 2 có đầy đủ các Phòng, Ban chuyên môn phụ trách tất cả các lãnh vực chuyên môn về tình báo như thu thập tin (bao gồm cà tình báo nhân sự –HUMINT—và tình báo tín hiệu –SIGINT--, phân tích và đánh giá tin, truyền và thông báo tin, và cả phản gián.

Cụ thể, Cục 2 gồm có tất cả 6 Khối với trách nhiệm như sau: [42]

- Khối Hành Chánh: lo về nhân viên, lý lịch, thăng thưởng, kỷ luật, vv
- Khối Kỹ Thuật: thu thập tất cả các loại tài liệu của VNCH như giấy căn cước, con dấu, chữ ký để làm căn cước giả, cũng như cung cấp mọi vật liệu và máy móc cần thiết cho các điệp viên xâm nhập vào Miền Nam
- Khối Truyền Tin: điều hành các hệ thống truyền tin giữa Cục 2 với các đơn vị phụ thuộc, với các cơ quan tình báo chiến lược khác, và với các điệp viên do Cục 2 điều động ở Miền Nam
- Khối Huấn Luyện: phụ trách huấn luyện nhân viên trong nước cũng như gửi đi học tại Liên Xô và Trung Quốc từ 6 tháng đến 2 năm
- Khối Bảo Vệ: lo mảng công tác phản gián, theo dõi các đối tượng tình nghi phản động, và ngăn chận người của VNCH xâm nhập và phá hoại
- Khối Thu Thập: được tổ chức thành nhiều Ban; mỗi Ban chịu trách nhiệm thu thập tin tại một quân khu ở Miền Bắc; đặc biệt 3 Ban quan trọng nhứt chịu trách nhiệm tại 3 vùng Chiến trường C (VNCH), B (Lào), và C (Kampuchia); có cả 1 Ban chịu trách nhiệm về Hoa Kỳ

Tại Miền Nam, vì Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam (hay Việt Cộng) chỉ là một công cụ của Bắc Việt, mọi việc quan trọng về chính trị và quân sự đều do Trung Ương Cục Miền Nam quyết định. Trung Ương Cục Miền Nam (sau đây sẽ viết tắt là TUC; tài liệu của Mỹ thường gọi là COSVN = Central Office for South Vietnam) là cơ quan do Đảng Lao Động Việt Nam (tức Đảng Cộng sản Việt Nam tạm thời đổi tên vào năm 1951) thành lập năm 1961 để thay cho Xứ Ủy Nam Bộ, với nhiệm vụ tiến hành cuộc nổi dậy tại Miền Nam với các Bí Thư liên tiếp sau đây: Nguyễn Văn Linh (1961-

1964), Nguyễn Chí Thanh (1964-1967), và Phạm Hùng (1967-1975), tất cả đều là Ủy Viên Bộ Chính Trị của Đảng Lao Động Việt Nam.

Về mặt công tác tình báo, TUC, thật ra, chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi lãnh thổ của Vùng III và Vùng IV của VNCH mà thôi (tức là 3 Quân Khu 7, 8, và 9 của Việt Cộng). Công tác tình báo tại các phần lãnh thổ còn lại của VNCH (tức là Vùng I và Vùng II) vẫn thuộc sự điều khiển của Bộ Tổng Tham Mưu, Quân Đội Nhân Dân Việt Nam (xuyên qua Cục Tình Báo, tức là Cục 2). Do đó, hệ thống tổ chức tình báo của phe Cộng sản có sơ đồ tổ chức như sau: [43]

Ghi chú:

- Chiến trường B3 là mật ngữ của phe Cộng sản dùng để chỉ vùng Cao Nguyên Trung Phần của VNCH
- Quân Khu T.Thiên-Huế: gồm các tỉnh Quảng Trị, ThừaThiên và Thành phố Huế
- Quân Khu 5: gồm các tỉnh duyên hải Trung và Nam Trung Phần là Quảng Nam, Quảng Ngải, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa
- Quân Khu 6: gồm các tỉnh duyên hải Nam Trung Phần là Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy và các tỉnh phía Nam Cao Nguyên Trung Phần là Darlac, Quảng Đức, Tuyên Đức và Lâm Đồng

- Quân Khu 7: gồm các tỉnh Miền Đông Nam Bộ
- Quân Khu 8: gồm các tỉnh Tiền Giang
- Quân Khu 9: gồm các tỉnh Hậu Giang, Miền Tây Nam Bộ

Với hệ thống tổ chức như trong sơ đồ bên trên, việc cung cấp tin tức tình báo cho các sư đoàn Bắc Việt đã xâm nhập vào Miền Nam và hoạt động trong Vùng I và Vùng II Chiến Thuật của VNCH hoàn toàn do Cục 2 đãm trách.

Trong khu vực trách nhiệm của mình, tức là 2 Vùng III và Vùng IV của VNCH, TUC có một bộ phận chuyên lo công tác an ninh và tình báo gọi là Cục An Ninh gồm có 3 bộ phận với các nhiệm vụ chính như sau: [44]

- Ban Nội thám: với bí danh K-35, có nhiệm vụ duy trì và bảo vệ an ninh cho mật khu; có quyền theo dõi, bắt giam, hỏi cung, điều tra, giam giữ cán bộ chiến sĩ và thường dân; ngăn chận sự xâm nhập của các điệp viên của VNCH
- Ban Ngoại thám: có nhiệm vụ thu thập tin tức tình báo qua hệ thống điệp viên và nội tuyến; cung cấp tất cả những dụng cụ, vũ khí cần thiết cho các điệp viên và nội tuyến
- Ban Bảo vệ: bảo vệ yếu nhân, lãnh tụ của TUC và Mặt Trận; đơn vị được chỉ định làm công tác này là Trung Đoàn Bảo Vệ 180 gồm 2 Tiểu Đoàn D-1 và D-2; D-1 phụ trách bảo vệ lãnh tụ và cơ sở; D-2 phụ trách bảo vệ ngoại vi.

Ngoài các tổ chức, cơ quan, đơn vị chính thức như vừa trình bày bên trên, phe Cộng sản còn có được tai mắt trong dân chúng qua cái gọi là ***"hệ thống tình báo nhân dân"*** ở khắp nơi trong lãnh thổ của VNCH, điều mà VNCH không làm được tại Miền Bắc.

Tình Báo Trong Một Số Trận Đánh Quan Trọng

Trong suốt thời gian khoảng trên dưới 20 năm chiến tranh đó, hệ thống tình báo của cả 2 phe đã hoạt động rất tích cực và đạt hiệu quả khá cao nhưng vẫn không tránh khỏi có những thất bại rất nghiêm trọng. Phần này của bài viết cố gắng tìm hiểu, phân tích và đánh giá các hoạt động tình báo của cả 2 phe trong 2 trận đánh quan trọng và tiêu biểu của 2 giai đoạn trong Chiến tranh Việt Nam: 1) Cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân (tháng 2-1968) của giai đoạn có quân Mỹ tham chiến; và 2) Trận Ban Mê Thuột (tháng 3-1975) sau Hòa Đàm Paris và quân Mỹ đã rút khỏi Miền Nam.

Trận Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân (Tháng 2-1968)

Trận Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân bắt đầu vào ngày 31-1-1968 (mùng 2 Tết Mậu Thân) trên khắp các thành phố của VNCH là một bất ngờ rất lớn trong cuộc chiến tranh vì cả 2 phe lâm chiến đều đã đồng ý hưu chiến 3 ngày trong thời gian Tết. Phần lớn quân nhân, công chức của VNCH đều được nghĩ phép để về quê ăn Tết với gia đình (kể cả Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cũng về ăn Tết ở quê vợ là Mỹ Tho). Việc không tiên đoán được cuộc tấn công với quy mô lớn như vậy của phe Cộng Sản là một thất bại rất lớn về tình báo của cả VNCH và Hoa Kỳ. Câu hỏi cần phải đặt ra là tại sao VNCH và Hoa Kỳ, với một hệ thống tình báo to lớn, đầy đủ và tinh vi như vậy mà không phát hiện được sự chuẩn bị của phe Cộng sản cho cuộc tổng tấn công này. Để có thể trả lời câu hỏi quan trọng này, chúng ta cần phải tìm hiểu những diễn biến trong cuộc chiến từ sau khi Hoa Kỳ đưa quân bộ chiến vào Miền Nam từ tháng 3-1965.

Sau cuộc đổ bộ của 5.000 Thủy Quân Lục Chiến vào Đà Nẵng ngày 8-3-1965, quân số Mỹ tại Miền Nam đã gia tăng một cách vô cùng nhanh chóng: [45]

- Cuối năm 1965: tổng số quân Mỹ là184.300
- Cuối năm 1966: tổng số quân Mỹ là 385.300
- Cuối năm 1967: tổng số quân Mỹ là 485.600

Trong mùa khô 1966-1967, trong chiến lược ***"lùng và diệt địch" (search and destroy)*** của Tướng Tư Lệnh MACV Westmoreland, quân đội Mỹ đã tổ chức ít nhứt là 5 cuộc hành quân lớn (cấp sư đoàn) tấn công vào các mật khu, căn cứ an toàn, và các trung tâm hậu cần của phe Cộng sản: [46]

- Hành quân Attleboro: tại Dầu Tiếng (Tây Ninh), từ ngày 14-9 đến ngày 24-11-1966
- Hành quân Paul Revere IV: tại Thung lũng Plei Trap (phía Tây Pleiku, gần khu vực ba biên giới), từ ngày 20-10 đến ngày 30-12-1966
- Hành quân Thayer II: tại BÌnh Định, từ ngày 25-10-1966 đến ngày 12-2-1967
- Hành quân Cedar Falls: trong khuTam Giác Sắt (Bến Cát, tỉnh Bình Dương), từ ngày 8 đến 26-1-1967
- Hành quân Junction City: trong Chiến Khu C (Tây Ninh, nơi đóng tổng hành dinh của TUC), từ ngày 22-2 đến ngày 14-5-1967 (đây là cuộc hành quân trực thăng vận Việt-Mỹ lớn nhứt trong Chiến tranh Việt Nam, với tổng số 25.000 quân tham chiến)

Các cuộc hành quân này, cùng với rất nhiều những cuộc hành quân khác của QLVNCH và các quân đội đồng minh trong thời gian 1966-1967 đã gây thiệt hại rất nặng nề về quân số (cả Việt cộng và Bắc Việt), tổ chức (mật khu, khu an toàn), và hậu cần (lương thực, vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng) của phe Cộng sản. Tổng hành dinh của TUC (COSVN) trong Chiến Khu C phải dời sang lãnh thổ của Kampuchia. Tinh thần cán bộ, binh sĩ Cộng sản bị dao động, sa sút rất nghiêm trọng; điều này thể hiện rất rõ trong các quyển nhật ký của binh sĩ Bắc Việt tịch thu được trong các cuộc hành quân Việt-Mỹ. Số cán binh Cộng sản về hồi chánh cũng gia tăng lên rất nhiều.

Về mặt an ninh lãnh thổ của VNCH, chương trình bình định (Pacification) trong các vùng nông thôn cũng đang tạo được nhiều thành quả đáng kể từ giữa năm 1967 với những số thống kê như sau:

- 67% dân chúng sinh sống trong các vùng do chính phủ VNCH kiểm soát
- 222 quận (trong tổng số 242) được xem là có an ninh
- 8.650 ấp (trong tổng số 12.600) đã được bình định xong

Robert W. Komer (1922-2000), đứng đầu Chương trình CORDS (Civil Operations and Revolutionary Development Support) của MACV phụ trách về bình định (gồm cả Chương trình Phượng Hoàng—Phoenix Program—với mục tiêu là tiêu diệt hạ tầng cơ sở của Mặt Trận Giải Phóng—VCI = Viet Cong Infrastructure), đã lạc quan báo cáo về tình hình Chiến tranh Việt Nam cho Tổng Thống Johnson vào ngày 28-2-1967 như sau: ***"…wastefully, expensively, but nonetheless indisputably, we are winning the war in the South."*** [47] (xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"…phí phạm, tốn kém nhưng không thể chối cải được, chúng ta đang thắng cuộc chiến tại Miền Nam").*

Cũng trong thời gian này, về phương diện chính trị, VNCH đã vượt qua được thời kỳ hỗn loạn và đã thành công tạo được sự ổn định với Hiến Pháp 1967 đưa đến việc thành lập của nền Đệ Nhị Cộng Hòa vào cuối năm 1967.[48]

Tất cả các điều này đã tạo ra cho các cấp lãnh đạo Việt-Mỹ (kể cả các cấp lãnh đạo về tình báo) một tinh thần lạc quan quá trớn đưa đến sai lầm trong nhận định và đánh giá về quyết tâm và khả năng của phe Cộng sản.

Việc tiến hành cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân đã được lãnh đạo của Đảng Lao Động Việt Nam quyết định tại Hà Nội trong phiên họp của Bộ Chính Trị vào ngày 7-7-1967,[49] và ngày khởi sự cuộc tấn công đã được định là ngày 29-1-1968, tức là ngày Mùng 1 Tết Mậu Thân, sau đó được dời lại một ngày, là ngày 30-1-1968, tức là Mùng 2 Tết Mậu Thân.[50] Như vậy, VNCH và Hoa Kỳ đã có một khoảng thời gian gần 7 tháng mà vẫn không tiên đoán được về cuộc tấn công và hoàn toàn bị bất ngờ. Có đúng thật

là hệ thống tình báo của VNCH và Mỹ đã hoàn toàn bất lực? Sự thật không phải như vậy. Cả VNCH và Hoa Kỳ đều có nắm được một số tin tình báo về cuộc tấn công này.

Về phía VNCH, Phòng 2 BTTM QLVNCH đã nhận được một số tin tức và tài liệu của phe Cộng sản như sau: [51]

- Tháng 3-1967: một tài liệu tịch thu được của Công Trường 5 (tức là Sư Đoàn 5 của Việt Cộng) về một kế hoạch tấn công vào Sài Gòn
- Đầu tháng 10-1967: tài liệu học tập về Nghị Quyết 13 của Trung Ương Đảng Lao Động Việt Nam, kêu gọi thực hiện một cuộc tổng tấn công để đạt chiến thắng nhanh chóng
- Cũng trong tháng 10-1967: một tài liệu của Chiến Trường B-3 (mật danh của phe Cộng sản để chỉ vùng Cao Nguyên Trung Phần của VNCH), tịch thu được tại Dakto, đề cập đến những chuẩn bị với quy mô lớn cho Chiến dịch Đông-Xuân 1968
- Cuối tháng 11-1967: một tài liệu đề ngày 1-9-1967, với tựa đề ***"Sứ mạng mới, công tác mới,"*** đề cập đến một cuộc tấn công lớn cùng với một cuộc tổng nổi dậy của dân chúng với tên tắt là "TCK-TKN" (viết tắt cho cụm từ Tổng Công Kích-Tổng Khởi Nghĩa)
- Một số tài liệu lẻ tẻ đề cập đến cách tác chiến trong thành phố, một hình thức chiến thuật trước kia không bao giờ được đề cập đến trong các tài liệu tịch thu được

Như vậy, rõ ràng là tình báo VNCH có nắm được một số tin về ý đồ của phe Cộng sản cho một cuộc tấn công quy mô lớn vào các thành phố của VNCH. Vậy tại sao các cấp lãnh đạo của hệ thống tình báo VNCH đã không khuyến cáo chính phủ để chuẩn bị đối phó với cuộc tổng tấn công đó khiến cho VNCH hoàn toàn bị bất ngờ. Có hai lý do chính: 1) Cũng cùng tâm trạng lạc quan như các cấp lãnh đạo chính trị và quân sự, giới lãnh đạo tình báo VNCH ***không tin*** là phe Cộng sản, trong tình trạng sa sút tinh thần trầm trọng của cán binh và sự thiệt hại nặng nề về vật chất (quân số, tiếp liệu, vv) trong các năm 1966-1967, có thể thực hiện nổi một cuộc tổng tấn công như vậy; nhận định và đánh giá của giới tình báo VNCH là: ***"Địch có ý đồ nhưng không có khả năng."*** Giới tình báo VNCH tin rằng ngay như nếu họ có báo động thì các cấp lãnh đạo quân sự cũng sẽ không tin.[52] 2) Nhận định và đánh giá vừa kể cũng dựa trên tin tưởng là địch vẫn còn trong Giai đoạn 1 của Chiến lược mà họ đã theo đuổi từ lâu. Chiến lược này đã từng được áp dụng rất thành công trong Kháng chiến chống Pháp (1946-1954), nên lại được áp dụng một lần nữa trong cuộc chiến tranh này và gồm 3 giai đoạn: 1) Giai đoạn 1: Phòng ngự, 2) Giai đoạn 2: Chuẩn bị tổng tấn công, và 3) Giai

đoạn 3: Tổng tấn công. Giới tình báo VNCH ***không tin là phe Cộng sản có khả năng tiến thẳng từ giai đoạn 1 sang ngay Giai đoạn 3***.

Về phía Hoa Kỳ, cách nhận định và đánh giá tin của giới tình báo có phần hơi khác với phía VNCH. Thời gian 7 tháng (từ ngày 7-7-1967 cho đến 30-1-1968) có thể chia làm 2 giai đoạn:

- Từ đầu tháng 7 đến cuối tháng 11-1967: giới tình báo Hoa Kỳ, đồng quan điểm với giới tình báo VNCH, tin rằng phe Cộng sản vẫn còn trong Giai đoạn 1, nghĩa là không tin vào khả năng hiện thực của cuộc tổng tấn công
- Từ đầu tháng 12-1967: giới tình báo Hoa Kỳ, dựa trên những tin tức mới, ***đã tin là kế hoạch tổng tấn công của phe Cộng sản là có thật và họ đã có tiến hành việc chuẩn bị đối phó với cuộc tổng tấn công này***

Chúng ta cố gắng tìm hiểu xem mọi việc đã xảy ra như thế nào về phía Hoa Kỳ trong giai đoạn từ đầu tháng 12-1967 trở đi.

Trước hết, trong tháng 12-1967, tình báo Hoa Kỳ đã ghi nhận một số lượng xe vận tải rất lớn di chuyển dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh: 6.313, so với 3,823 trong tháng 11-1967.[53] Cũng trong tháng này, tình báo Hoa Kỳ, cả CIA lẫn J2-MACV, đều ghi nhận việc sử dụng nhiều loại vũ khí mới trong các đơn vị quân Cộng sản, như AK-47, RPG-7 (tức là súng phóng lựu chống xe tăng B-40), súng phóng hỏa. J2-MACV cũng phát hiện một số sư đoàn chủ lực của Bắc Việt, là các Sư Đoàn 2, Sư Đoàn 325, và Sư Đoàn 304 (Sư Đoàn 304 là sư đoàn đã từng tham gia trận Điện Biên Phủ vào năm 1954) tập trung lại chung quanh căn cứ Khe Sanh trong Vùng I. Tất cả những diễn tiến này khiến cho Tướng Westmoreland, Tư Lệnh MACV, tin rằng phe Cộng sản sẽ đánh lớn tại Vùng I và cuộc tấn công này sẽ xảy ra trong tháng 1-1968. Ông cũng nghĩ rằng phe Cộng sản cũng sẽ tấn công khắp lãnh thổ VNCH nhưng đó chỉ là nghi binh, để đánh lừa vì mục tiêu chính của cuộc tổng tấn công này sẽ là tại Vùng I, dọc theo Khu Phi Quân Sự, với trọng điểm là chung quang căn cứ Khe Sanh, và ông cũng không tin là phe Cộng sản sẽ tấn công vào Thủ đô Sài Gòn, và vì vậy ông đã đồng ý giao lại trách nhiệm bảo vệ Sài Gòn từ một đơn vị Hoa Kỳ cho Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân của QLVNVCH tại một buổi lễ vào ngày 20-12-1967. Sau đó, ông đích thân bay ra Vùng I để thị sát và thảo luận với Thiếu Tướng Robert E. Cushman, Jr., Tư Lệnh Lực Lượng Thủy Bộ số 3 của Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ (3rd Marine Amphibious Force, 3rd MAF), về việc phòng thủ dọc theo Khu Phi Quân Sự mà nếu cần, ông sẽ cho tăng cường thêm cả Sư Đoàn 1 Kỵ Binh Không Vận (1st Cavalry Division, phe Cộng sản thường gọi là Sư Đoàn 1 Anh Cả Đỏ).[54] Sự tin tưởng về trọng điểm của cuộc tổng tấn công sắp đến của phe Cộng sản của Tướng Westmoreland xuất phát từ suy nghĩ của ông về Chiến tranh Việt Nam và dựa trên kết quả của các chiến lược mà ông đã áp

dụng: “lùng và diệt địch” (search and destroy), và “hao mòn” (attrition) từ năm 1965. Ông tin rằng Bắc Việt quyết lòng đánh bại chiến lược tạo ra phòng tuyến bao che (shield strategy) mà ông đã xây dựng dọc theo biên giới của VNCH và đặc biệt là dọc theo phía Nam Khu Phi Quân Sự (vĩ tuyến 17) để ngăn chận sự xâm nhập của quân Bắc Việt vào Miền Nam. Căn cứ quan trọng của lực lượng Thủy Quân Lục Chiến (TQLC) Hoa Kỳ tại thung lũng Khe Sanh đóng một vai trò khá giống căn cứ Điện Biên Phủ của Pháp vào năm 1954.

Ngày 30-12-1967, Ngoại Trưởng Bắc Việt Nguyễn Duy Trinh tuyên bố tại một buổi tiếp tân của Bộ Ngoại Giao tại Hà Nội là việc ngưng oanh tạc Bắc Việt ***sẽ*** đưa đến thương thuyết giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt. Đây là một thay đổi quan trọng trong lập trường của Bắc Việt về thương thuyết vì trước kia họ chỉ nói là việc Hoa Kỳ ngưng oanh tạc ***có thể*** đưa đến việc thương thuyết. Điều này càng củng cố thêm sự tin tưởng của Tướng Westmoreland là Bắc Việt (qua sắp xếp của Tướng Võ Nguyên Giáp) đang tìm cách chơi lại ván bài mà họ đã chơi và thắng trong Hội Nghị Genève năm 1954, với Khe Sanh sẽ đóng vai trò Điện Biên Phủ trong ván bài lần này. Hai hôm sau, ngày 1-1-1968, Đài Phát Thanh Hà Nội lập lại lời tuyên bố của Ngoại Trưởng Trinh, cho thấy đây quả thật đã trở thành lập trường chính thức của Bắc Việt.

Qua tháng 1-1968, rõ ràng có những hoạt động của quân Bắc Việt nhắm vào Khe Sanh. Vào đêm 2-1-1968, TQLC Mỹ đi tuần tra đã bắn chết một số quân Bắc Việt (trong số này phát hiện có một sĩ quan Trung Đoàn Trưởng) đang thám thính gần căn cứ hỏa lực tại Khe Sanh. Tướng Cushman tin rằng đó là bằng cớ chứng tỏ quân Bắc Việt sẽ tấn công Khe Sanh.

Vì định kiến này, các cấp lãnh đạo tình báo và quân sự Hoa Kỳ đã coi nhẹ và bỏ qua rất nhiều tin tức liên quan đến các hoạt động quân sự của phe Cộng sản nhằm chuẩn bị cho cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân trong tháng 1-1968 như các vụ sau đây: [55]

- Ngày 3-1-1968, J2-MACV đã có báo cáo về việc khám phá vụ chôn dấu vủ khí của Việt Cộng trong một nghĩa địa trong vùng ngoại ô Sài Gòn.
- Ngày 4-1-1968, QLVNCH khám phá một hầm chôn dấu vũ khí quan trọng tại Định Tường (Vùng IV), trong số này có cả 55 quả đạn bích kích pháo 55mm là loại vũ khí chưa từng được VC sử dụng trong Vùng IV; sau đó một cán bộ VC chỉ huy một đại đội vận tải bị bắt đã khai báo và hướng dẫn QLVNCH tìm thêm được 41 địa điểm chôn dấu vũ khí nữa trong vùng.
- Cũng trong ngày 4-1-1968, J2-MACV đã có báo cáo về việc một toán đặc công VC toan xâm nhập vào khu vực tổng hành dinh

của MCV tại Tân Sơn Nhứt bằng cách xin công việc làm tại sân bay.

- Ngày 5-1-1968, J2-MACV cũng có báo cáo về một tài liệu tịch thu được tại Pleiku mang tựa đề "Lệnh Tác Chiến Khẩn Cấp Số 1"; ngoài kế hoạch tấn công Pleiku, tài liệu còn bao gồm cả chỉ thị cho cán bộ trong việc kêu gọi dân chúng nổi dậy.
- Ngày 9-1-1968, tình báo Mỹ cũng tịch thu được một tài liệu trình bày việc tổ chức lại hệ thống chỉ huy của VC.

Giới tình báo Mỹ chỉ thật sự quan tâm khi được giới tình báo VNCH cho biết họ thật sự rất lo lắng về tin VC đã có kế hoạch khủng bố lớn nhắm vào người Mỹ (cả dân sự lẫn quân sự) sinh sống và làm việc tại Sài Gòn.[56]

Cho đến gần cuối tháng 1-1968, Tướng Westmoreland vẫn còn giữ nguyên định kiến của ông về ý đồ của phe Cộng Sản. Trong báo cáo đề ngày 22-1-1968 gửi cho Đô Đốc Ulysses S. Grant Sharp, Jr. (Tổng Tư Lệnh Lực Lượng Hoa Kỳ tại Thái BÌnh Dương, CINCPAC = Commander-In-Chief, Pacific, cấp chỉ huy trực tiếp của Tướng Westmoreland) và Đại Tướng Earle G. Wheeler (Tham Mưu Trưởng Liên Quân Hoa Kỳ = Chairman of the Joint Chiefs of Staff), Tướng Westmoreland báo cáo như sau: ***"I believe that the enemy will attempt a country-wide show of strength just prior to Tet, with Khe Sanh being the main event. In II Corps, he will probably attack Pleiku and Kontum cities, and I expect attacks on the Special Forces camps at Da Seang, Duc Co, and Dak To. In III and IV Corps, province towns are likely targets for renewed attacks by fire. Terrorism will probably increase in and around Saigon."*** [57] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Tôi tin rằng địch quân sẽ cố gắng thực hiện một cuộc biểu dương lực lượng trên toàn quốc trước Tết, với Khe Sanh là biến cố chánh. Tại Vùng II, có thể địch quân sẽ tấn công các thành phố Pleiku và Kontum, và tôi cũng nghĩ là họ sẽ tấn công các trại Lực Lượng Đặc Biệt tại Dak Seang, Đức Cơ và Đắc Tô. Tại Vùng III và IV, các tỉnh lỵ có thể lại là mục tiêu cho các cuộc pháo kích. Hoạt động khủng bố có thể sẽ gia tăng tại Sài Gòn và các vùng phụ cận."*)

Trong các ngày 23-26 tháng 1-1968, J2-MACV liên tục nhận được tin về các hoạt động khủng bố của địch nhắm vào thành phố của VNCH, đặc biệt là thủ đô Sài Gòn. Sáng ngày 27-1-1968, Tướng Davidson, J2-MACV, báo cáo tình hình cho Tướng Westmoreland, tiên đoán VC sẽ có tấn công lớn trên toàn quốc, và ông đặc biệt nêu tên 2 thành phố Pleiku và Kontum.[58] Sáng sớm ngày 30-1-1968, tức Mùng Một Tết Mậu Thân, VC tấn công cùng một lúc 6 thị trấn tại các tỉnh Miền Trung. Ngay buổi sáng hôm đó, lúc 7 giờ, Tướng Davidson lập tức báo cáo cho Tướng Westmoreland về các cuộc tấn công này và tiên đoán VC sẽ tái diễn các cuộc tấn công này trên tất cả các vùng còn lại trên khắp lãnh thổ VNCH vào tối hôm đó. Tướng Westmoreland hoàn toàn đồng

ý và lập tức ra lệnh báo động và thông báo cho tư lệnh các đơn vị quân Mỹ về khả năng địch sẽ tấn công lớn vào đêm đó.[59]

Kết luận: Về phương diện tình báo, đối với cả VNCH và Hoa Kỳ, việc không tiên đoán được cuộc Tổng Tấn Công Tết Mâu Thân của phe Cộng Sản, không thể chối cải được, là một thất bại hết sức nghiêm trọng.

Về phía VNCH, rõ ràng là các cơ quan tình báo đã có nắm được một số tin tức khá rõ ràng liên quan đến kế hoạch của cuộc Tổng Tấn Công này nhưng việc phân tích, nhận định, và đánh giá tin của các cấp chỉ huy tình báo đã không chính xác, chủ yếu dựa vào sự lạc quan, tin tưởng là địch tuy có ý đồ nhưng không có khả năng thực hiện một cuộc tấn công với quy mô trên cả nước như thế. Nhờ thất bại này, giới tình báo VNCH đã học được một bài học lớn về quyết tâm của địch và vì vậy đã ttiên đoán được rất chính xác đợt tấn công lần thứ hai vào Sài Gòn của VC vào tháng 5-1968.

Về phía Hoa Kỳ, Hội Đồng Cố Vấn Tình Báo Hải Ngoại của Tổng Thống (President's Foreign Intelligence Advisory Board, viết tắt là PFIAB) đã thiết lập một ủy ban cấp cao để điều tra về công tác tình báo trong thời gian trước cuộc tấn công. Báo cáo của ủy ban, gồm 9 trang, với tựa đề là ***"Intelligence warning of the Tet Offensive in South Vietnam,"*** được hoàn thành trong tháng 4-1968. Trong phần kết quả điều tra (General Findings), ủy ban đưa ra một số kết luận như sau: ***"Although warning had thus been provided, the intensity, coordination, and timing of the enemy attack were not fully anticipated. … A second major unexpected element was the number of simultaneous attacks mounted. … Underlying these specific problems was a more basic one: most commanders and intelligence officers, at all levels, did not visualize the enemy as capable of accomplishing his stated goals as they appeared in propaganda and in captured documents. Prevailing estimates of attrition, infiltration, and local recruitment, reports of low morale, and a long series of defeats had degraded our image of the enemy. The general picture presented was an enemy unable to conduct an offensive of such scope and intensity."*** [60] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Mặc dù đã có những báo động, cường độ, phối hợp, và thời điểm của cuộc tấn công của địch đã không hoàn toàn được dự đoán trước. … Một yếu tố quan trọng nữa đã không được đoán trước là con số những cuộc tấn công sẽ được thực hiện cùng một lúc. … Bên dưới những vấn đề cụ thể đó là một vấn đề căn bản hơn: phần lớn các cấp chỉ huy và các sĩ quan tình báo, ở tất cả mọi cấp, đã không hình dung ra được là địch quân có khả năng hoàn thành được những mục tiêu đề ra mà chúng đã tuyên truyền hay trong các tài liệu tịch thu được. Những ước lượng về địch quân đang thịnh hành về các mặt hao mòn, xâm nhập, và tuyển mộ tại địa phương, các báo cáo về việc xuống tinh thần, và một chuỗi dài những thất trận của họ đã làm cho chúng ta xem thường địch quân. Hình ảnh tổng quát được trình bày cho chúng ta là một địch quân không có khả năng thực hiện một cuộc tấn công với tầm vóc và cường độ như thế."*). Tướng Davidson, Trưởng J2-MACV trong

thời gian Trận Mậu Thân, cho biết ông đồng ý với kết quả điều tra của ủy ban này, nhưng quan điểm của ông có khác biệt về mức độ. Ông cho rằng yếu tố quan trọng nhất trong bất ngờ về chiến thuật không phải là thời điểm của cuộc tấn công, mà là ở điểm địch quân đã tấn công vào quá nhiều thành phố và vào cùng một thời điểm.[61]

Về phía phe Cộng sản, họ đã thành công trong việc tạo được bất ngờ nhờ họ đã rất tích cực trong các công tác bảo mật và phản gián (đánh lừa đối phương). Phe Cộng sản hiểu rất rõ là để có thể thành công trong kế hoạch tổng tấn công này họ phải giữ bí mật tuyệt đối về ngày giờ tấn công và địa điểm tấn công. Và họ đã làm được tốt công tác này trong cả hai lãnh vực nảo mật và đánh lừa đối phương. Trong lãnh vực bảo mật, vì tất cả các cấp chỉ huy quân sự của VC và quân Bắc Việt đều là đảng viên cộng sản, việc bảo mật không phải là một vấn đề vì họ đã quá quen thuộc với việc này. Mặc dù vậy, chỉ có cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên mới được học tập đầy đủ về kế hoạch này. Vì thế, nhân viên Việt-Mỹ của Chiến địch Phượng Hoàng ở khắp lãnh thổ của VNCH, nhưng chủ yếu nhắm vào hạ tầng cơ sở của VC, đã không phát hiện được kế hoạch này. Trong lãnh vực đánh lừa đối phương, phe Cộng sản đã thực hiện một số công tác quan trọng: 1) dùng chiêu bài hưu chiến trong thời gian Tết; 2) tấn công một số tiền đồn và căn cứ Việt-Mỹ ở biên giới, và, đặc biệt đe dọa căn cứ Khe Sanh của TQLC Mỹ; và, 3) dùng đòn ngoại giao của Ngoại Trưởng Nguyễn Duy Trinh để cho chính phủ Mỹ nghĩ và tin rằng họ đã không còn chịu đựng nổi việc oanh tạc liên tục của Hoa Kỳ và đã muốn thương thuyết.

Trận Ban Mê Thuột (Tháng 3-1975)

Trận Ban Mê Thuột diễn ra chỉ trong khoảng 1 tuần lễ ngắn ngủi (từ ngày 10-3 đến ngày 18-3-1975) nhưng có tầm vóc hết sức quan trọng trong cuộc chiến kéo dài gần 20 năm. Nó mở màn cho Chiến dịch Tây Nguyên của phe Cộng sản trực tiếp đưa đến quyết định tai hại của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu triệt thoái khỏi Vùng II và gián tiếp tạo ra sự sụp đổ của VNCH vào cuối tháng 4-1975.

Sau khi mất tỉnh Phước Long (vào đầu tháng 1-1975, mà chính quyền VNCH quyết định bỏ luôn, không tìm cách đánh chiếm lại như đối với tỉnh Quảng Trị trong Mùa Hè 1972), các nhà lãnh đạo quân sự của VNCH đều nghĩ và tin rằng phe Cộng sản sẽ tấn công mạnh ở Vùng II, tại Cao Nguyên Trung Phần.

Thật ra, ngay từ trước khi xảy ra trận Phước Long, vào 2 ngày 9-10 tháng 12-1974, trong cuộc họp của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, diễn ra tại Dinh Độc Lập dưới sự chủ tọa của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, để thảo luận về kế hoạch phòng thủ cho năm 1975, Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH đã tiên đoán là Cộng sản sẽ không tiến hành một cuộc tổng tấn công như họ đã làm trong mủa Hè năm 1972, mà chỉ thực hiện những cuộc tấn công có quy mô lớn, khởi sự tại Vùng II và thời điểm sẽ là trong tháng 3-1975. Tại Vùng II, ông dự đoán là họ sẽ tập trung các

cố gắng ở phía Bắc của vùng chiến thuật này, cụ thể là Kontum và phía Bắc của Bình Định.[62] Chính vì vậy, dự kiến Cộng quân sẽ cắt đứt các quốc lộ chính từ duyên hải lên cao nguyên, từ cuối tháng 1-1975, BTTM đã cho chuyển lên Pleiku và Kontum một số lượng rất lớn về lương thực và đạn dược đủ để cho lực lượng phòng thủ Pleiku và Kontum (ước lượng khoảng 20.000 quân) sử dụng trong 60 ngày mà không cần tiếp tế.[63]

Tài liệu mật của BTTM QLVNCH (do Tướng Viên trình bày tại phiên họp của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia trong tháng 12-1974 kể trên), dự đoán về khả năng tấn công phía Bắc của Vùng II của phe Cộng sản cũng như kế hoạch và lực lượng phòng thủ của QLVNCH trong Vùng Chiến Thuật này, đã được một điệp viên thuộc loại *"trường kỳ mai phục"* của Bắc Việt làm việc trong văn phòng của Tướng Viên báo cáo về Hà Nội.[64, 65] Do đó, Bắc Việt biết rất rõ rất khó đánh chiếm Pleiku và Kontum ở phía Bắc, và vì thế đã quyết định tấn công Ban Mê Thuột ở phía Nam.

Bản đồ dưới đây cho thấy rõ sự tập trung phòng thủ dày đặc của QLVNCH ở phía Bắc của Vùng II (Pleiku và Kontum) vào đầu tháng 3-1975 như sau:

- 3 Liên Đoàn Biệt Động Quân (BĐQ) bảo vệ Kontum và 1 Liên Đoàn BĐQ bảo vệ Quốc Lộ 14 (nối liền Kontum và Pleiku; chạy thẳng xuống phía Nam, đến Ban Mê Thuột)
- 2 Trung Đoàn 44 và 45 của Sư Đoàn 23 Bộ Binh bảo vệ Pleiku
- 4 Trung Đoàn 40, 41, 42 và 47 của Sư Đoàn 22 Bộ Binh bảo vệ phía Bắc Bình Định và các đèo Mang Giang và An Khê trên Quốc Lộ 19 (nối liền Qui Nhơn--tỉnh lỵ của Bình ĐỊnh--với Kontum)

Để bảo vệ Ban Mê thuột chỉ có Liên Đoàn 21 BĐQ đóng ở Buôn Hồ (một thị trấn nằm cách Ban Mê Thuột khoảng 40 km về hướng Đông Bắc), các đơn vị cơ hữu của tỉnh Darlac, và Trung Đoàn 53 của Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Theo Đại Tá Nguyễn Trọng Luật, Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Darlac, trên thực tế, Trung Đoàn 53, đóng tại Phi trường Phụng Dực (cách Ban Mê Thuột khoảng 8 km về hướng Đông), vào lúc đó chỉ gồm có bộ chỉ huy Trung Đoàn và 1 Tiểu Đoàn mà thôi.[66]

Đ

Bản Đồ Bố Trí CÁc Lực Lượng Phòng Thủ Tại Vùng II

Vào Đầu Tháng 3-1975

(Trích từ trang 149 của sách ***Black April***)

Về phía Cộng sản, để bảo đảm chiến thắng cho cuộc tấn công vào Ban Mê Thuột, Tướng Văn Tiến Dũng, Tư Lệnh của chiến dịch Tây Nguyên của phe Cộng sản,

đã dùng mọi cách để đánh lừa Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II của QLVNCH, là họ sẽ tấn công Pleiku, chứ không phải tấn công Ban Mê Thuột.

Về phía VNCH, nội bộ ban tham mưu của Quân Đoàn II lại không đồng ý với nhau, Tướng Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn, thì tin là địch quân sẽ tấn công Pleiku, còn Đại Tá Trịnh Tiếu, Trưởng Phòng 2 (phụ trách Tình Báo) của Quân Đoàn II, thì tin là địch quân sẽ tấn công Ban Mê Thuột.

Trước khi tìm hiểu chi tiết các hoạt động tình báo của hai bên, chúng ta hảy quan sát bản đồ trận đánh này:

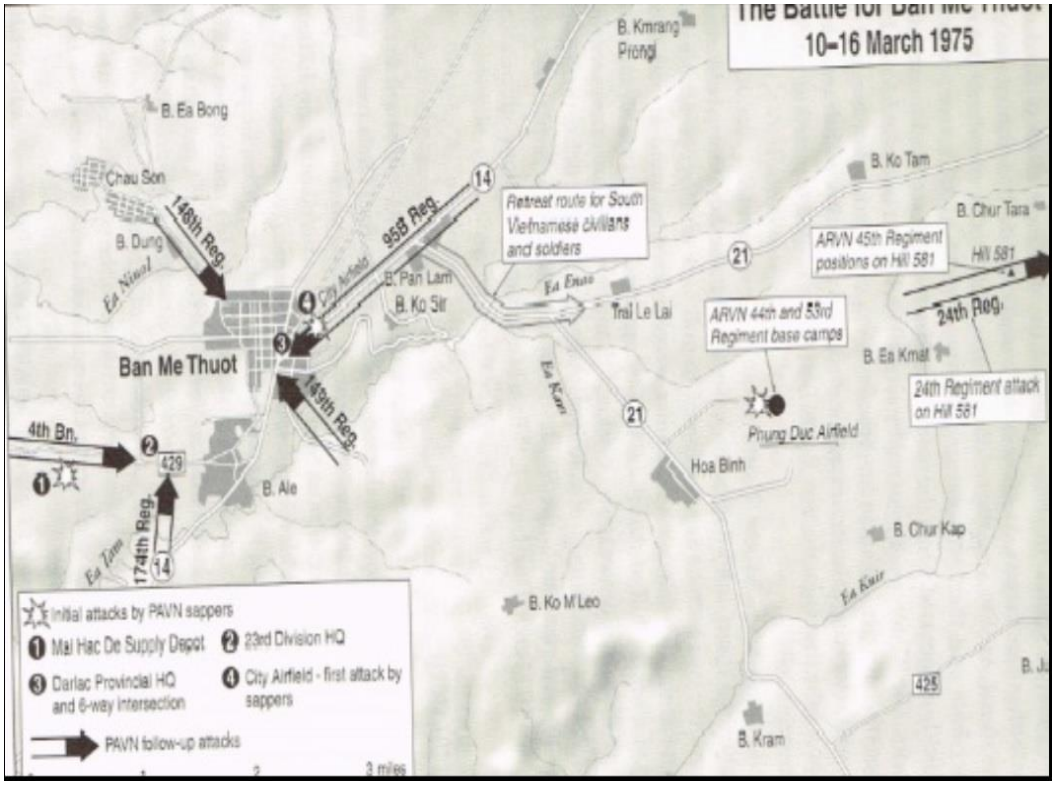

Bản Đồ Trận Ban Mê Thuột

(Trích từ trang 157 của sách ***Black April***)

Nhìn vào bản đồ bên trên, chúng ta thấy rõ là địch quân đã tấn công vào Ban Mê Thuột từ 5 phía với các lực lượng như sau:

- Từ hướng Tây Bắc: với Trung Đoàn 148, thuộc Sư Đoàn 316
- Từ hướng Đông Bắc: với Trung Đoàn 95B, thuộc Sư Đoàn 325

- Từ hướng Đông Nam: với Trung Đoàn 149, thuộc Sư Đoàn 316
- Từ hướng Tây: với Tiểu Đoàn 4, thuộc Trung Đoàn 24, Sư Đoàn 10
- Từ hướng Nam: với Trung Đoàn 147, thuộc Sư Đoàn 316

Như vậy, lực lượng chính tấn công Ban Mê Thuột là Sư Đoàn 316, với 3 Trung Đoàn cơ hữu là 147, 148 và 149, tăng cường thêm với 1 trung đoàn của Sư Đoàn 325 và 1 tiểu đoàn của Sư Đoàn 10, và, dĩ nhiên, với các đơn vị pháo binh, chiến xa, và đặc công. Sư Đoàn 316 trước đây chỉ hoạt động tại Lào và từ năm 1974 đã được lệnh quay trở về Bắc Việt. Sự hiện diện của sư đoàn này tại Miền Nam là một bất ngờ cho giới tình báo VNCH.

Sau đây chúng ta hảy tiến hành tìm hiểu sự sắp xếp và chuẩn bị cho cuộc tấn công của phe Cộng sản và những hoạt động tình báo của hai bên trươc khi cuộc tấn công nổ ra.

Ngày 15-1-1975, sư đoàn này được lệnh di chuyển vào Miền Nam, nhưng máy truyền tin được để lại ở Miền Bắc và tiếp tục chuyển tin để đánh lừa SIGINT của QLVNCH là sư đoàn vẫn còn ở Miền Bắc. Toàn đơn vị được di chuyển bằng một đoàn xe 800 chiếc, và về đến một khu vực tập trung ở phía Tây Nam của Ban Mê Thuột vào ngày 3-2-1975.[67]

GHI CHÚ:

1. Phan Công Tâm, “Testimony of a Senior Officer, South Vietnamese Central Intelligence Organization,” in ***Voices from the Second Republic of South Vietnam (1967-1975***) / K.W. Taylor, editor. Ithaca, N.Y.: Cornell Southeast Asia Program Publications, 2014. (*Studies on Southeast Asia Series*; no. 65). Tr. 16.
2. ***Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung****,* tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90o%C3%A0n_C%C3%B4ng_t%C3%A1c_%C4%90%E1%BA%B7c_bi%E1%BB%87t_Mi%E1%BB%81n_Trung
3. ***Ngành Cảnh Sát Đặc Biệt VNCH***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: https://kbchaingoai.wordpress.com/2011/05/26/nganh-c%E1%BA%A3nh-sat-d%E1%BA%B7c-bi%E1%BB%87t-vnch/
4. Trần Ngọc Thống, Hồ Đắc Huân, Lê Đình Thụy, ***Lược sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa****.* California: Hương Quê, 2011. Tr. 500.
5. ***Ngành Cảnh Sát Đặc Biệt VNCH***, tài liệu trực tuyến và toàn văn đã dẫn bên trên.
6. Trần Ngọc Thống, Hồ Đắc Huân, Lê Đình Thụy, sđd, tr. 628.
7. Hoàng Ngọc Lung, ***Intelligence***. Washington, D.C.: U.S. Army Center of Military History, 1982. (*Indochina Monographs*). Tr. 57.

8. Hoàng Ngọc Lung, sđd, tr. 53. Tác giả ghi như sau: ***"In order to control the ranks of the administration, particularly in the wake of the Huynh Van Trong espionage case in 1971, a new security organization was established which became known as the Directorate General for Administrative Security."*** (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Để kiểm soát hàng ngũ hành chánh, đặc biệt là sau vụ án gián điệp Huỳnh Văn Trọng năm 1971, một cơ quan an ninh mới được thành lập có tên là Tổng Nha An Ninh Hành Chánh").*
9. Thông tin ghi nhận qua cuộc điện đàm với cựu Thiếu Tá Võ Thành Đức, nguyên Chánh Sở Huấn Luyện của Tổng Nha An Ninh Hành Chánh, vào ngày 8-Sept-2016.
10. ***Central Intelligence Office***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: https://en.wikipedia.org/wiki/Central_Intelligence_Office
11. Phan Công Tâm, sđd, tr. 16.
12. Phan Công Tâm, sđd, tr. 17.
13. Trần Ngọc Thống, Hồ Đắc Huân, Lê Đình Thụy, sđd, tr. 254.
14. Hoàng Ngọc Lung, sđd, tr. 46. Sơ đồ tổ chức của CIO ở tr. 46 được chuyển ngữ sang tiếng Việt.
15. Phan Công Tâm, sđd, tr. 20.
16. ***Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo Việt Nam Cộng Hòa***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: http://vnchtoday.blogspot.ca/2016/01/phu-ac-uy-trung-uong-tinh-bao-viet-nam.html
17. Hoàng Ngọc Lung, sđd, tr. 47.
18. Hoàng Ngọc Lung, sđd, tr. 48. Tác giả ghi rõ như sau: ***"… the CIO effectively turned into the intelligence agency of the President's Office, …"*** Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"… PĐU thật sự trở thành cơ quan tình báo của Phủ TỔng Thống,…".*
19. Trần Ngọc Thống, Hồ Đắc Huân, Lê Đình Thụy, sđd, tr. 522.
20. Hoàng Ngọc Lung, sđd, tr. 65. Sơ đồ tổ chức của Phòng 2 BTTM ở tr. 65 được chuyển ngữ sang tiếng Việt.
21. Trần Ngọc Thống, Hồ Đắc Huân, Lê Đình Thụy, sđd, tr. 521.
22. ***Vài nét đại cương tiểu sử Đơn Vị 101 với phương châm sống để bụng chết mang theo***, trong *Đặc san Hoa Tình Thương: tiếng nói của Đơn Vị 101 / Unit 101* (1999-2000), tr. 3-5.
23. ***Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: http://tongthammuu.blogspot.ca/
24. ***Đơn Vị 101: Thề chết cho quê hương - Anh vẫn sống***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: http://www.viendongdaily.com/don-vi-101-the-chet-cho-que-huong-anh-van-song-jsJOKaZw.html
25. Hoàng Ngọc Lung, sđd, tr. 69.
26. Lâm Vĩnh Thế, ***Tài liệu mật của CIA về Việt Nam Cộng Hòa***, trong *Bạch hóa tài liệu mật của Hoa Kỳ về Việt Nam Cộng Hòa*, (Hamilton, Ont.: Hoài Việt, 2008), tr. 252-277.
27. ***Phoenix Program***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: https://en.wikipedia.org/wiki/Phoenix_Program
28. ***Chiến dịch Phụng Hoàng***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây:

https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_Ph%E1%BB%A5ng_Ho%C3%A0ng
29. Cosmas, Graham A., ***United States Army in Vietnam: MACV, the Joint Command in the years of escalation, 1962-1967***. Washington, D.C.: U.S. Army Center of Military History, 2006, tr. 48.
30. Cosmas, Graham A., sđd, tr. 128.
31. Cosmas, Graham A., sđd, tr. 285.
32. McChristian, Joseph A., ***The Role of military intelligence, 1965-1967***. Washington, D.C.: Dept. of the Army, 1994. (*Vietnam studies*). Tr. 15. Sơ đồ tổ chức của J2-MACV ở tr. 15 được chuyển ngữ sang tiếng Việt.
33. McChristian, Joseph A., sđd, tr. 19.
34. Thông tin nhận được từ điện thư ngày 25-9-2016 của Đại Tá Trần Ngọc Thống, và điện đàm ngày 27-9-2016 với Thiếu Tá Hồ Đắc Huân. Hai vị là đồng tác giả của sách "Lược sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa."
35. McChristian, Joseph A., sđd, tr. 26.
36. ***Những Người Trở Về Với Đại Gia Đình Dân Tộc***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: http://batkhuat.net/tl-nn-trove-daigiadinh-dantoc.htm
37. McChristian, Joseph A., sđd, tr. 34-40.
38. McChristian, Joseph A., sđd, tr. 40-44.
39. McChristian, Joseph A., sđd, tr. 48. Sơ đồ tổ chức của CICV ở tr. 48 được chuyển ngữ sang tiếng Việt.
40. ***Tổng cục Tình báo Quân đội Nhân dân Việt Nam***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: http://www.wikiwand.com/vi/T%E1%BB%95ng_c%E1%BB%A5c_T%C3%ACnh_b%C3%A1o_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam
41. ***Chuyện về Tổng Cục 2 – Kỳ IV: Cục trưởng Cục Tình báo đầu tiên***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: http://soha.vn/quan-su/chuyen-ve-tong-cuc-2-ky-iv-cuc-truong-cuc-tinh-bao-dau-tien-20151020165047274.htm
42. Hoàng Ngọc Lung, sđd, tr. 196-197.
43. Hoàng Ngọc Lung, sđd, tr. 200. Sơ đồ tổ chức hệ thống tình báo cua phe Cộng sản ở tr. 200 được chuyển ngữ sang tiếng Việt.
44. Hoàng Ngọc Lung, sđd, tr. 201-202.
45. ***Vietnam War: allied troop levels 1960-73***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: http://www.americanwarlibrary.com/vietnam/vwatl.htm
46. Wirtz, James J., ***The Tet Offensive: intelligence failure in war***. Ithaca, N.Y.: Cornell University Press, 1991. (*Cornell studies in security affairs*). Tr. 42.
47. Wirtz, James J., sđd, tr. 44.
48. Lâm Vĩnh Thế, ***Việt Nam Cộng Hòa, 1963-1967: những năm xáo trộn***. Hamilton, Ont.: Hoài Việt, 2010. *Chương Mười: Tiến đến nền đệ nhị cộng hòa,* tr. 167-205.
49. Wirtz, James J., sđd, tr. 140.

50. Davidson, Phillip B., ***Vietnam at war: the history, 1946-1975.*** London, U.K.: Sidgwick & Jackson Limited Publishers, 1988. Tr. 474. Trung Tướng Phillip B. Davidson chính là người đứng đầu J2-MACV (lúc ông còn mang cấp bậc Thiếu Tướng) trong thời gian trận Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân.
51. Hoàng Ngọc Lung, sđd, tr. 146-148.
52. Hoàng Ngọc Lung, sđd, tr. 150. Nguyên văn Anh ngữ như sau: ***"However, our military leaders would not have believed such a probability if they had been warned."*** Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Tuy nhiên, nếu chúng ta có báo động về khả năng đó, các lãnh tụ quân sự của chúng ta cũng sẽ không tin.")*
53. Wirtz, James J., sđd, tr. 181.
54. Wirtz, James J., sđd, tr. 186.
55. Wirtz, James J., sđd, tr. 191-193.
56. Wirtz, James J., sđd, tr. 183. Tác giả ghi như sau: ***" In a letter written on 19 December, MACV analyst James Meacham described the reaction of the U.S. Command and ARVN officers to the VC campaign: "The word is out that the VC are going to make an all out terrorist effort against Saigon Americans from now on throught Tet. Our ARVN counterparts at CICV are really concerned – the first time in living memory that they have been. This is a bad sign because they know the VC infinitely better than we." "*** Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Trong một bức thư đề ngày 19 Tháng 12, nhân viên phân tích tình báo của MACV James Meacham mô tả như sau phản ứng của Bộ Tư Lệnh Mỹ và các sĩ quan QLVNCH: "Tin cho biết là VC sẽ có cố gắng tấn công khủng bố rộng lớn đối với người Mỹ ở Sài Gòn từ đây đến qua Tết. Các đồng nhiệm của chúng ta tại CICV* [chú thích cuả tác giả bài viết: CICV = Combined Intelligence Center, Vietnam, tức là Trung Tậm Tình Báo Hỗn Hợp Việt Nam] *thật sự rất quan tâm – lần đầu tiên họ quan tâm mà tôi còn nhớ được. Đây là một dấu hiệu không tốt bởi vì họ biết rõ VC hơn mình nhiều.")*
57. Wirtz, James J., sđd, tr. 212.
58. Wirtz, James J., sđd, tr. 216.
59. Davidson, Phillip B., sđd, tr. 474.
60. ***Intelligence warning of the Tet Offensive in South Vietnam***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: https://www.cia.gov/library/readingroom/docs/DOC_0000097712.pdf . Tr. 3-5.
61. Davidson, Phillip B., sđd, tr. 479.
62. Veith, George J., ***Black April: the fall of South Vietnam, 1973-1975***. New York: Encounter Books, 2012. Tr. 116-117.
63. Veith, George J., sđd, tr. 118.
64. Veith, George J., sđd, tr. 124.

65. ***Bí mật về viên thượng sĩ mang mật danh H3***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: http://baophapluat.vn/an-ninh-quoc-phong/bi-mat-ve-vien-thuong-si-mang-mat-danh-h3-243764.html
66. Nguyễn Trọng Luật, ***Nhìn lại trận đánh Ban Mê Thuột 1975***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: http://googletienlang2014.blogspot.ca/2015/03/ai-ta-nguy-nguyen-trong-luat-nhin-lai.html
67. Veith, George J., sđd, tr. 131.

Nguồn:https://tuyen-tap-vinh-nhon-lam-vinh-the.blogspot.com/search/label/L%E1%BB%8Bch%20S%E1%BB%AD%20VNCH

www.vietnamvanhien.org